Năm thứ nhất.— Số 15 Thứ sáu, 19 Septembre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Phải có một sự tổ-chức để bảo vệ quyền-lợi tinh-thần và nghề-nghiệp của nhà văn — *Lê-Thanh*

Việt-nam xưa đã thôn-tinh mấy nước ? — *Biệt-Lam Trần-Huy-Bá*

Một tờ báo pháp phê-bình cụ Phan-thanh-Giản — *Khuông-Việt*

Cuộc đàm-phán Hoa-kỳ và Nhật-bản — *Nhật-Nham*

Anh hùng với giai nhân (III) — *Tam-Gia*

Dạng-bản văn-pháp (đăng trọn) — *Đào duy-Anh*

Đốc Đen qua mấy bài văn tế — *Bảo-Vân*

Trạng Me dè Trạng Ngọt — *Tiên-Đàm*

Tục lệ khi sinh con của người Đồng-nai — *Trúc-Khê*

Đền Hiếu-Trung ở Saigon — *Nguyễn-Triệu*

Ca-dao chia loại và giải nghĩa (III) — *Hoa-Bằng*

và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Các công sở : giá gấp đôi — **Mỗi số 12 xu**

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Phải có một sự tổ-chức để bảo-vệ quyền-lợi tinh-thần và nghề-nghiệp của nhà-văn

Ở Việt-Nam ta, không nghề gì ít được bảo-đảm bằng nghề văn. Người ta đã than nhiều lắm, hô-hào nhiều lắm rồi. Nhưng từ trước đến nay những lời ấy vẫn chỉ là những lời thốt ra giữa một bãi sa-mạc! Đến nỗi nói đến nhà văn tôi tưởng như nói đến mấy anh kép bát ra làm trò trên một sân khấu cho người ta đến xem không mất tiền.

◆

Người ta tự do trích bài của nhà văn, nhà báo, in thành sách. Tôi muốn nhắc lại đây cái « ca » nhà xuất-bản *Tân-Việt* đã lấy bài của các ông: Xuân-Diệu, Trần-thanh-Mại, P. S. N, P V. H Nguyễn khắc Hiếu, Đông-Hồ, Phan Khôi, Từ-Ngọc, Thanh-Tịnh, Lãng-Tử, Nguyễn khắc Mẫn, Thế-Lữ, Chế lan Viên Hoa-Bằng Về các nhà văn khác thì tôi không biết, còn bạn Hoa-Bằng không hề được nhà xuất-bản Tân-Việt xin phép Sao như vậy? Một bài văn có phải đâu một vật thuộc quyền sở-hữu của mọi người. Ông Lê văn-Văng, chủ một nhà xuất-bản lớn, lại không biết cái luật sơ-đẳng trong cái xã-hội nhà văn, nhà báo ấy sao?

Lại vừa rồi, tôi có dịp sang du-lịch bên Lào. Tôi được biết rằng một hội kịch ở Vientiane đã đem một vở kịch của ông Xuân-Đào và một vở của ông Vũ-trọng Can ra diễn lấy tiền cho hội

Mà các bạn nhà văn có biết các ông trong hội ấy đã làm những gì không?

Các ông ấy không hề xin phép tác-giả hai vở kịch.

Xin làm gì, vở kịch đề đấy cũng thế, « mượn » chơi đem diễn có « hư » đi chút nào đâu. Chắc các ông trong hội ấy nghĩ thế! Các ông có « *nhè* » đâu đã làm cái công-việc bóc-lột một hạng người đó!

Các ông đã tự tiện đổi nhan đề của hai vở kịch!

Các ông cho rằng phải đổi đi như thế để đánh lừa người xem. Đã có lần trên sân khấu Vientiane người ta đã diễn vở *Hai trái tim* rồi, bây giờ diễn lại, ai xem nữa. Phải chọn một cái tên khác hẳn và kêu hơn cái trước. Phải đổi như thế để tác-giả vở kịch ở xa nơi mình diễn hơn hai nghìn cây số khỏi biết, khỏi lôi thôi.

Các ông đã chữa văn của hai bản kịch, chắc nghĩ tác-giả hai vở kịch soàng lắm, phải sửa-chữa cho được mười phần hay hơn. Một lẽ nữa, các ông tưởng trình-độ người xem kịch ở Vientiane còn kém, nên cần phải thêm vào một ít câu khôi-hài mượn của một vai hề tuồng cổ, không thì buồn quá.

Đấy, hai vở kịch đấy, tha hồ họ đem nó ra mà mổ-xẻ, mà hành-hạ Đường xa quá, nó kêu lên thấu đâu đến người đã nhọc công nặn nó ra.

Các ông có biết đó là làm một việc gian-lận không?

◆

Viết bài này, tôi không có ý xui giục hai ông Xuân-Đào và Vũ trọng-Can hành-động gì để đòi quyền-lợi của mình. Ở xứ ta, bao nhiêu người đã chẳng làm cái công-việc của hội ấy? Nhưng tôi muốn, nhân việc này, các nhà văn ta nên nghĩ đến việc liên-lạc với nhau để « *bảo-vệ quyền-lợi về tinh-thần và nghề-nghiệp* » của mình như nhà văn ở các nước văn-minh đã làm.

LÊ THANH

Tiếng Ăng-lê rất cần trong lúc này vì người Nhật phần nhiều biết nói tiếng Ăng-lê hết...

Muốn học tiếng Ăng-lê một mình (không cần thầy dậy) chỉ mua cho được quyển:

MANUEL DE CONVERSATION

en Anglais — Français et Annamite

Soạn giả: *DƯƠNG-TỰ-NGUYÊN*

có bằng tốt nghiệp cao đẳng về tiếng Anh, từng làm giáo sư về tiếng ấy trong 10 năm ở Hồng-Kông và Thượng-hải bên Tàu

Một quyển sách tự học tiếng Anh tốt nhất từ xưa đến nay vì đúng giọng, hợp mẹo, rất dễ học, mau tấn tới

140 trang — Giá **0$60** — *Cước* **0$10**

Gửi bằng timbres postes (cò) cũng được cho hiệu sách

Đông-Tây, 105, hàng Bông, Hanoi

Việt-Nam xưa đã thôn-tính mấy nước?

(Có kèm bản-đồ, xem trang sau)

NƯỚC Việt-Nam ta kể từ Đinh-tiên-hoàng (968-978) dẹp yên 12 sứ quân, dựng cờ tự-chủ, gây thành một nước độc-lập. Phía bắc đối với Trung-quốc, tuy vẫn nạp cống xưng thần, song đã bao phen chiến thắng họ. Đan cử như Lý-thường Kiệt đánh quân Tống, Trần-hưng-Đạo đánh quân Nguyên, Lê-Lợi đánh quân Minh, Nguyễn-Huệ đánh quân Thanh... Trải qua Tông, Nguyên, Minh, Thanh, nhà nào cũng bị dân-tộc ta chống cự kịch liệt, lắm phen «Thiên-triều» cũng phải hoảng sợ mà e-dè! Nhưng kết cục rồi ta cũng phải theo cái lẽ nước nhỏ ở bên nước nhớn, mà cầu hòa nạp cống, để được rảnh tay về phía bắc, mà tiến bước về phía nam.

Cứ theo sử sách ta chép thì Chiêm-thành, Vạn-tượng, Chân-lạp, Qua-Ha, Tam-phật-tề và Mãn thích-da, v.v. đều đã bị ta thôn-tính. Có nước thì bị mất hẳn; có nước thì phải cắt đất cầu phong. Thực đã vẻ-vang cho giống-nòi Việt nam lắm vậy!

Trừ ra Chiêm-thành, Chân-lạp và Vạn-tượng, sử sách đã nói đến nhiều rồi, duy còn mấy nước nhỏ phụ-thuộc vào các nước ấy thì không thấy mấy nơi nhắc đến. Nay ta cũng nên lược qua lịch-sử và địa-dư của mấy nước ấy ra sau đây để cống-hiến chư độc-giả tiện bề khảo xét.

Theo sách *Đại-Minh nhất-thống-chí*, và sách *Việt-nam-tập-lược*, thì gốc tích các nước ấy đại-lược như sau này:

1· Nước Qua-Ha.— Nguyên xưa là A-lăng hay là Bồ-gia-long, có những thuộc-quốc như là: Tô-cát-đan, Đả-bản, Đả-võng-đề v.v. Đời Tống Nguyên-gia năm thứ 9 (432) Qua-oa đã có giao-thông với Trung-quốc. Đến năm Trinh-quan nhà Đường thứ 21, (647), vua nước Qua-oa là Trụy-bà-la sai sứ sang cống hiến nhà Đường.

Đến năm Minh Thiên-thuận thứ tư (1460) vua nước Qua-Oa là Đô-mã-bản còn sang triều cống nhà Minh Rồi sau bị nước Việt-nam ta thôn-tính, chia làm hai nước gọi là Thủy-xá và Hỏa-xá.

Xét sử nhà Minh, thì nước ấy phía đông giáp nước Phù-nam; phía tây giáp nước Tam-phật tề; phía nam giáp nước Đại-thực; phía bắc giáp nước Chiêm-thành. Bây giờ ở vào khoảng tỉnh Bình-thuận; Biên-hòa và Bà-rịa.

2· Nước Tam-phật-tề. — Đời cổ gọi là Thiên-đà-lợi, ở về phía Nam nước Chiêm-thành, vào khoảng giữa nước Chân-lạp và nước Qua-oa, gồm 15 châu, có những thuộc-quốc như Đơn-mã, Lệnh-lăng, Nha-tư, Bồng-phong, Đăng-nha, Nùng-tế-lan v.v

Vua nước ấy gọi là Thiềm-ty, khoảng năm Thiên-hựu nhà Đường, (904), đã giao-thông với Trung-quốc. Hồi năm Kiến-long nhà Tống (960 962), vua nước ấy là Tất-lợi hồ-thiên-hà-lý, sai sứ sang cống-hiến Trung-quốc. Mãi đến năm Vĩnh-lạc thứ ba đời Minh (1405) nước Tam-phật-tề ấy hãy còn sang Tàu cống hiến.

Dân nước ấy thì giàu-thịnh, tính hiếu dâm, thủy chiến rất giỏi. Ấy thế mà sau cũng bị nước Việt-nam ta thôn-tính hết Cứ theo hình-thế như trên đã kể thì nước ấy ở vào khoảng tỉnh Định-tường ngày trước, mà bây giờ thì là các tỉnh Tân-an, Mỹ-tho và Bến-tre v. v.

3· Nước Mãn-thích-da. — Đời Hán Quang-võ (25 57), Mã-Viện sang đánh quận Giao-chỉ, thì nước ấy gọi là Tây-đồ di. Về sau, gọi là Ca-la-phu-sa; kinh-đô ở xứ Đồ-bà, nên lại gọi là Đại-đồ-bà hay là Trọng-già-la. Năm Vĩnh-lạc nhà Minh thứ ba (1405), vua nước ấy là Tây-lợi-bát-nhi đạt-thích, sai sứ sang cống hiến Trung-quốc. Đến năm 1412 nhà Minh sai quan Thái-giám là Trịnh-Hòa làm chánh-sứ, sang phong cho vua nước ấy làm Mãn đa-thích quốc vương, và dựng bia làm mốc để ngăn nước Tiêm la khỏi sang sâm-lấn.

Sau truyền đến Tô-đan-mang tốc-sa, năm Minh Thiên-thuận thứ ba (1459), còn sang triều cống nhà Minh Sau đó, không bao lâu, bị nước Chiêm-thành chinh-phục, rồi nước Chiêm-thành lại bị Việt-nam ta thôn tính, sáp nhập vào xứ Nam-kỳ, tức là một giải sông vào khoảng mấy tỉnh Vĩnh-long, Trà-vinh và Sa-đéc bấy giờ vậy.

Xét ra mấy nước ấy hồi thế-kỷ thứ mười lăm vẫn còn hưng thịnh, thường vào cống-hiến nhà Minh, đến khi suy nhược, bị Chiêm-thành thôn-tính thì sử không nói rõ vào hồi nào song ta có thể đoán định rằng các đời chúa Nguyễn mở-mang bờ-cõi ở phía nam thôn tính dần dần Đến năm 1697, chúa Nguyễn-phúc-Chu đánh nước Chiêm thành,

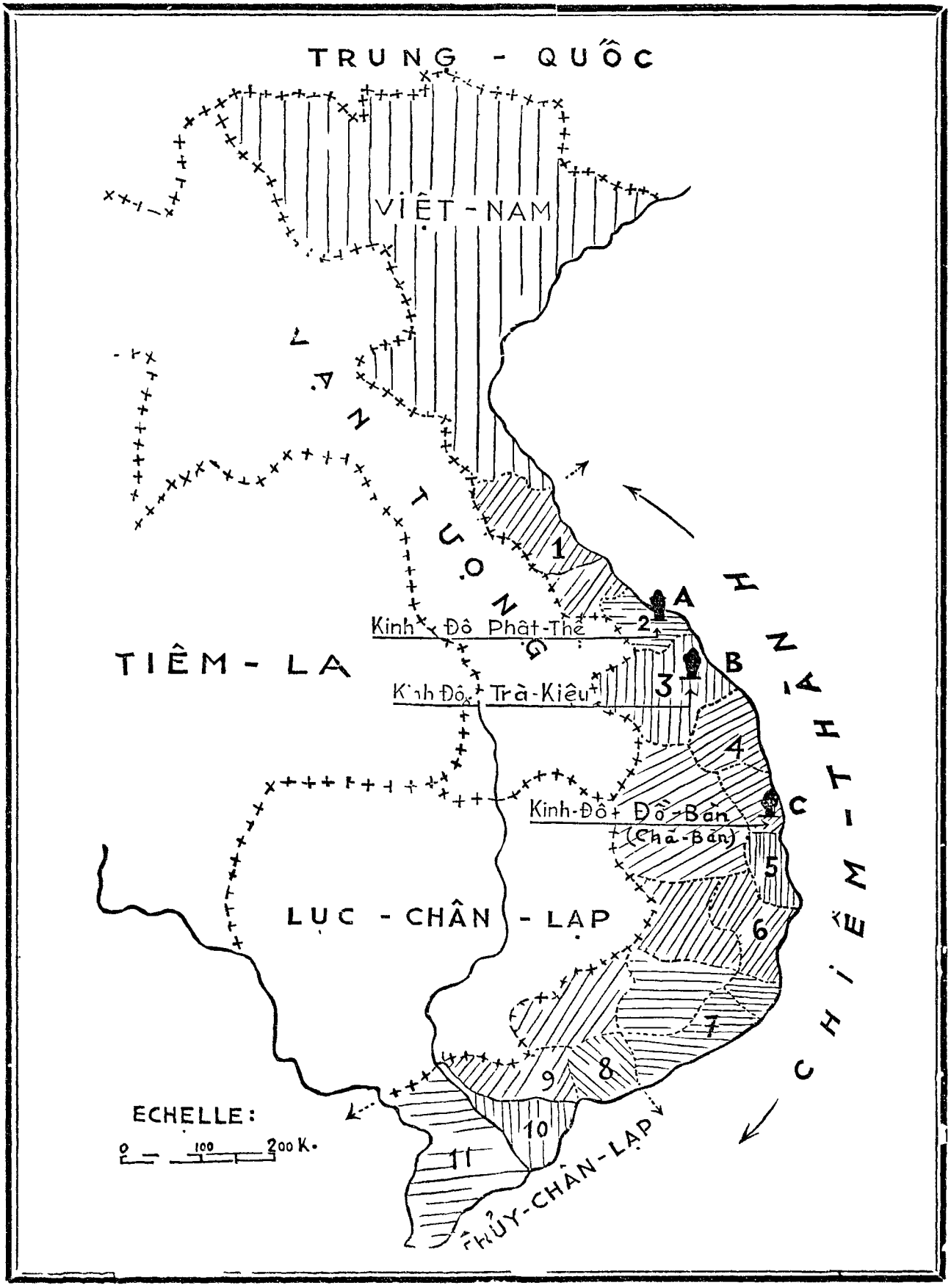
TRUNG - QUỐC
VIỆT - NAM
LAN - TƯƠNG
TIÊM - LA
Kinh Đô Phật-Thế
Kinh Đô Trà-Kiệu
Kinh-Đô Đồ-Bàn
(Chà-Bàn)
LỤC - CHÂN - LẠP
CHIÊM - THÀNH
PHỦY-CHÂN-LẠP
A
B
C
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
ECHELLE:
0 100 200 K.

lấy nốt Phan-rang và Phan-ri, thì nước Chiêm-thành bấy giờ mới bị diệt hẳn. Lại đến năm 1739, đời chúa Nguyễn-phúc-Khoát lấy được sáu tỉnh Nam kỳ của Thủy Chân-lạp. Thế thì biết rằng mấy nước ấy đã bị tiêu-diệt vào khoảng cuối thế-kỷ thứ mười bảy hay đầu thế-kỷ thứ mười tám.

Ấy đại-để những nước đó mấy trăm năm trước khi bị ta chiếm đã từng hiển-hách ở trên bán đảo chữ S này. Thế mà bây giờ chỉ còn mang mấy chữ tên, ghi trong sử sách, còn nòi-giống thì đã bị ta đồng-hóa cả rồi ! Thực cũng đáng ngậm ngùi cho cuộc thịnh-suy và lẽ hưng-vong của các dân-tộc ấy !

Ôi, cái lý «mạnh được, yếu thua, khôn sống, mống chết» xưa nay vẫn thế, ta cũng nên ngẫm trước mà nghĩ sau...

Bản đồ dẫn qua cuộc nam-tiến của nước Việt-Nam

(Xem bên trái)

1) Năm 1067, vua Lý Thánh-Tôn đánh nước Lâm-ấp. Chế-Củ bị bắt xin dâng 3 châu để chuộc tội, là Địa-lý, Mã-linh và Bố-chính, gồm cả quận Nhật-nam tức là Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ.

2) Năm 1307, vua Trần Anh-Tôn nhận 2 châu Ô và Lý của Chế-Mân dâng làm lễ cưới Huyền-Trân công-chúa, bèn đổi tên là Thuận-châu và Hóa-châu, tức tỉnh Thừa-thiên bây giờ.

3) Năm 1402, Hồ-quý-Ly sai Đỗ-Mãn đánh nước Chiêm-thành. Vua nước ấy là Ba-Đích dâng đất Chiêm-động (phủ Thăng-bình tỉnh Quảng-nam). Quý-Ly lại bắt phải dâng đất Cổ-lũy, gồm lại đặt thành 4 châu, tức phía bắc đất Quảng-ngãi bây giờ.

4) Nam 1470, vua Lê Thánh-Tôn đánh Trà-Toàn ở thành Đồ-bàn (Vijaya) và cửa Thi-nại (tỉnh Bình-định). gồm cả Đồ-bàn, Đại-chiêm và Cổ-lũy, lập thêm đạo Quảng-nam

5) Năm 1611, chúa Nguyễn-Hoàng đánh Chiêm-thành, lấy đất lập ra phủ Phú-yên, có 2 huyện Đồng-xuân và Tuyên-hóa (phía nam tỉnh Bình-định bây giờ).

6 Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc-Tần đánh Chiêm-thành, lấy tỉnh «Kauthara», tức tỉnh Khánh-hoà bây giờ.

7) Năm 1697, chúa Nguyễn Phúc-Chu đánh lấy đất Phan-rang và Phan-lý, gồm hai phủ Yên-phúc và Hòa-đa. Thế là nước Chiêm-thành từ đó mất hẳn !

8) Nước Qua-oa ngày trước (Biên-hòa, Bình-thuận bây giờ) nhập vào bản đồ Việt-nam, năm 1759 đời chúa Nguyễn Phúc-Khoát. Trước gọi là Thủy-xá và Hỏa-xá, thuộc xứ Thủy Chân-lập.

9) Nước Tam-phật-tề ngày trước cũng bị thôn-tính vào hồi chúa Nguyễn Phúc-Khoát, (vào khoảng mấy tỉnh Tân-an, Mỹ-thọ và Bến-tre bây giờ).

10) Nước Mãn-thích-đa ngày trước cũng chung một số-phận như 2 nước trên, vào hồi nước Việt-Nam thôn-tính xứ Thủy-Chân-lạp. (Tức là một giải sông vào khoảng mấy tỉnh Vĩnh-long, Trà-vinh và Sa-đéc bây giờ).

11) Xứ Thủy-Chân-lạp bị thôn-tính vào khoảng năm 1759, sau lập ra 6 tỉnh Nam-kỳ, do võ công chiến thắng của các đời chúa Nguyễn.

A) Kinh-thành Phật-thệ (Yudrapura) ở làng Nguyệt-biều, tỉnh Thừa-thiên. Vua nước Lâm-ấp là Dương-đà-Bài lập nên từ năm Thuần-hóa nhà Tống (990 994).

B) Kinh-đô Trà-kiệu (Simhapura) gần gare Trà-kiệu tỉnh Quảng-nam, là một kinh-đô rất phồn-thịnh của nước Chiêm-thành vào hồi từ thế-kỷ thứ X đến thế-kỷ thứ XIII

C) Kinh-đô Chà-bàn (Vijaya) (Sách *Việt nam văn hóa sử cương* của Đào-duy Anh trang 22 nói Chà-bàn tức là thành Phật-thệ đời trước) ở huyện Tuy-viễn tỉnh Bình-định. Nam 1470 vua Lê Thánh-Tôn đánh Chiêm thành : vua nước ấy là Trà-Toàn bị giết, thành Chà-bàn bị mất từ đó.

Biệt-lam TRẦN-HUY BÁ

Tục lệ khi sinh con của người Đồng-nai

TRONG sách *Gia-định thông-chí* của ông Trịnh hoài-Đức, quyển thứ 4, chép về phong-tục, có một chỗ nói người Đồng-nai khi sinh con, lấy một cái củi cháy dở, cặp vào đầu một cái coc, đem cái cọc ấy cắm ở ngoài cổng, hễ sinh con giai thì quay đầu củi đã cháy dở trở vào, sinh con gái thì quay đầu ấy trở ra.

Sách *Gia-định thông-chí* là chép về tất cả xứ Nam kỳ, bởi vì khi xưa Gia-định-thành thống hạt toàn xứ Nam kỳ, cũng như Bắc thành thống hạt toàn xứ Bắc kỳ, mà Đồng nai là tên đất ở quanh cái khu vực của thành Gia định.

Tục-lệ khi sinh con mà báo hiệu giai gái ở ngoài cổng bằng cái thanh củi cháy dở này, nghe nói hiện giờ cũng vẫn còn có Ngoài một thanh củi cháy dở như trong *Gia-định thông chí* đã nói, người ta còn buộc kèm thêm một cây rơi vào nữa. Toàn thể cái dấu hiệu ấy người ta gọi là cái «khém», mà thanh củi cháy dở kia, người ta gọi là cái «vỏ lửa». Bởi vậy, ở Nam kỳ có câu ngạn ngữ : «Con gái trở vỏ lửa ra». Trước đây, ông Phan Khôi có viết một cuốn tiểu-thuyết, lấy tên là «Trở vỏ lửa ra», chính là do cái phong tục và câu ngạn ngữ này.

Có người bảo tục này khi xưa ở Bắc-kỳ cũng có, nhưng tôi hỏi mấy bậc cố lão thì không ai biết cả.

TRÚC KHÊ

(1) *Sự quay vào và quay ra này có ý nghĩa lắm. Quay vào, tỏ ý người con giai ở mãi nhà này ; quay ra, tỏ ý người con gái sẽ về nhà khác*

Một tờ báo pháp phê-bình cụ Phan - Thanh - Giản

Tháng 12 năm At sửu (Janvier 1866), cụ Phan thanh Giản từ Kinh trở vô Nam-kỳ, nhận chức Kinh lược ba tỉnh phía tây còn lại (Vĩnh long, Ha tiên, An giang). Cụ ghé qua Sai gòn ngay 5 tháng ấy (21 janvier 1866) va lúc bảy giờ tối cụ đến viếng quan thống đốc Nam-ky de La Grandière, *dưng lời khánh chúc của vua Dực-Tôn. Cụ không lưu lại Sai gòn lâu; qua hôm sau, cùng với đam quân hộ vệ, cụ xuống thuyền đi Vĩnh long.*

Nhơn việc ấy, báo « Courrier de Saigon », la tờ báo thứ nhất ở Nam ky, có lời bình phẩm cụ Phan thanh Giản như thế nầy :

« Ai đã được biết Phan-thanh-Giản từ trước mà ngày nay — người ta nói thế — là vị đại-thần có thế-lực nhất ở Triều-đình Huế, đều thật lòng thỏa-mãn mà gặp lại ngài, một người cao nhã, vẫn phi thường, sáng trí như thuở ngài vừa bắt đầu giao-thiệp với người phương tây. Đã bốn năm qua mà cụ già ấy, khi đó đã ngoại thất tuần, nay vẫn còn cường tráng về cả tâm trí và thân thể Những cuộc bôn tẩu, những nỗi khó nhọc mà ngài đã trải qua vì việc nước, cái gánh nặng của chức vụ mà ngài đặng giao phó khi về Kinh đều không làm cho hao mòn đặng cái thể-cách mạnh khỏe của ngài, về phần xác thịt lẫn phần tinh thần.

« Ôn hòa, thông-thái và không câu nệ, vị lão quan mà không có việc gì làm cho kinh-ngạc được cả [illegible] vẫn tỉ mỉ lời học-tập, mặc dầu tuổi đã cao ; thế là ngài thực-hiện lại — mà chính ngài cũng không ngờ — cái gương lớn của người hiền-triết của thành La-mã thời cổ. Ngài thật đang làm tiêu-chuẩn cho hạng người trac-việt mà mỗi nước đều có, biết tự nâng cao mình lên, bằng việc làm và nghị-lực, trên cả nòi-giống của mình và người đồng-thời với mình.

« Bởi thế ngài đã thâu-phục đặng cảm-tình của tất cả những ai đã đăng quen ngài. Còn ai đã biết thần-xét ngài đều phải động lòng trắc-ẩn khi nghĩ đến cuộc xung-đột ngấm-ngầm và mãnh-liệt, khi nghĩ đến tấn thảm-kịch hằng ngày mà người ta thấy thoáng qua đời sống phi-thường và vẻ-vang của ngài.

Người anh-tài không được ai hiểu biết là ngài đã vượt khỏi các quan-niệm của người trong nước, còn phải khổ-công thế nào nữa, còn phải gắng sức và kiên tâm thế nào nữa đặng kiềm-chế những ác-cảm của họ, đặng đánh đổ những thành-kiến của họ, đặng giữ lại quốc-gia trên vực thẳm.

« Biết đâu ngài sẽ đặng thành công trong việc rèn-luyện, một cách chầm-rải, dân-tộc Việt-Nam cho quen với các qui-tắc của sự tiến-hóa và văn-minh. Biết đâu ngài sẽ vì phận-sự ấy mà bỏ mình.

« Tuy nhiên, dầu cho kết-quả của việc làm của ngài có thế nào đi nữa, ta phải nhìn-nhận ngài, chẳng những là một nhà ngoại-giao có tài-bộ, đã biết giữ-gìn một cách khôn-khéo quyền-lợi của nước Việt-Nam đối với Pháp-quốc, mà còn là một người biết trọng điều lợi-ích và đã tận-tụy, hy-sinh, không một ảo-tưởng riêng-tây, với công-cuộc cải-tạo và cứu-trợ quốc dân Đó sẽ là công-nghiệp cao quý nhứt của ngài, đáng cho lòng sùng bái của nhân-dân.

« Chúng ta nên ước ao rằng việc có mặt, ở ba tỉnh phía tây, một người bình-tĩnh, hòa-hoãn và đã ức-chế được các khát-vọng tầm-thường như ngài, sẽ kìm giữ đặng, trong giới-hạn của sự khôn ngoan, những tên phiêu-lưu mạo-hiểm chỉ xui-giục các việc phiến-loạn và luôn luôn sẵn-sàng, sau mùa gặt hái, ra mặt ở các thôn-quê đã thuộc Pháp »

KHUÔNG-VIỆT
phiên dịch

(Courrier de Saigon ngày 5-2-1866)

Trong số đặc-san Trần-Hưng-Đạo

Sẽ có những cây bút có tiếng trong học-giới, giáo-giới, văn-giới như của các ông Nguyễn-văn-Tố, Đặng-thái-Mai, Dương-quảng-Hàm giúp vào...

Sẽ có những bức vẽ có tính-cách lịch sử rất hiếm có, rất khó tìm ..

Sẽ có những bài vở lựa chọn rất kỹ...

Thi-sĩ Minh Tuyền sẽ hòa giọng cùng các bạn đọc thân yêu ngâm bài « *Sông Bạch-Đằng* » 140 câu rất hùng-tráng...

Anh-hùng với giai-nhân

SỐ 3 Quang-Trung và Ngọc-Hân Công-Chúa

Tam-Gia

NGÀY nay đọc lại chuyện Ngọc-Hân công-chúa ta thấy kính cẩn ngẩng đầu chào chưa đủ, và lòng thấy nao nao như sợ hãi nỗi đoạn-trường của người vị-vong còn xuân sắc. Ấy thế mà đời, — ngan thay! — còn có kẻ dám bôi nhọ một khuôn mặt được gọt đẽo trong ngọc-thạch, phải tắm trong lệ đau thương. Kẻ thì nói:

« Gái đâu có gái lạ lùng:
Con vua mà lấy hai chồng làm vua »!

Kẻ lại thêm: « *Nhất kinh chiến lưỡng vương* ». Đó là nói văn-vẻ, chứ thực tình người ta chỉ muốn bảo rằng công-chúa Ngọc-Hân sau lại « bước đi bước nữa » với vua Gia-long.

Có thể thế được không?

Đành rằng công chúa chỉ là người đàn bà như mọi người đàn bà ở mọi thời, ở mọi nơi: dù có được giáo-huấn kỹ càng, dù có được đức Quang-trung sủng-ái, lòng công-chúa có đau thương song cũng còn chỗ cho sự yếu-hèn. Đành rằng đức Gia-long cũng có thể chuẩn cho Ngọc-Hân công-chúa lại « chầu », nhưng biết căn cứ vào đâu?

Câu « *con vua mà lấy hai chồng làm vua* »? Chỉ người dễ tính lắm mới tin nổi câu ca này. Vì biết đâu đấy chẳng chỉ là một việc đặt ra, — chính-sử hay dã-sử không thấy đâu nói đến, — để giảm dư-uy một « nguy triều » trong lúc tàn-quân Tây-sơn còn kháng-chiến đó đây? Cũng như khi Quang-Toản bị bại rồi, cơ nghiệp nhà Tây-son sụp đổ, đời cũng truyền tụng câu « sấm »:

« *Đầu cha lấy làm chân con,*
Mười bốn năm tròn hết sổ thì thôi ».

Nhân thấy trên chữ « Quang » 光 (Quang-trung) và dưới chữ « Cảnh » 景 (Cảnh-Thịnh, niên hiệu của Quang-Toản) đều có chữ « Tiểu » và thấy nhà Tây-sơn làm vua vừa được mười bốn năm (từ 1788 đến 1801), hẳn người ta đã đặt ra câu « sấm » đó để yên lòng người. Số giời chỉ có thế thôi, than tiếc mà làm gì, kháng chiến nữa mà làm gì. Một số đông chiến-sĩ của Tây-sơn lười suy xét hay quá tin di-đoan chắc đã ngừng tay phấn đấu để vâng theo « mệnh giời ». Xưa kia, lúc vua Lê Thái-Tổ khởi sự cụ Nguyễn-Trãi thấu tâm-lý người mình lắm, nên không cần cả tính Thai-ất của « đạo-sĩ » am Bạch-vân mà cũng đặt vô số sấm ngôn: « *Lê-Lợi vi quân* »... Trần Thủng đời Tân lại còn đi trước cụ Nguyễn-Trãi về lối tuyên truyền này.

Câu « *Nhất kinh chiến lưỡng vương* »? Càng khó tin lắm. Hoặc câu này chỉ là một câu bịa-đặt ở cửa miệng người đã đặt những câu sấm lục bát về thời-vận nhà Tây-sơn. Hoặc câu này chỉ là một sự nhầm lẫn lớn của tiền-nhân. Nguyên về triều Mạc, họ Nguyễn ở làng Kiệt-đặc huyện Chí-linh (Hải-dương), có ngôi mả tổ táng tại núi Tri-ngư cũng thuộc địa-phận làng ấy Tướng Hoàng-Phúc nhà Minh xem cục đất, bảo ngôi mộ này vào cách « *Nhất kinh chiến tam vương* ». Sau họ Nguyễn sinh một gái tên là Nguyễn-thị Du. Bà Du học giỏi, người đẹp, được phong làm hoàng-phi nhà Mạc. Khi Mạc mất, bà bị quân Trịnh bắt được đem dâng cho chúa Trịnh. Dương-vương Trịnh-Tạc (1657-1682) rất yêu-dấu, bà xin với chúa để đi tu. Sau chúa Khang-vương Trịnh-Căn (1682 1709) nối ngôi, cầu khắp bậc nữ-học-sĩ để dạy cung-nhân, bà được vời về làm chức giáo-thụ trong cung, cung-nữ tôn-trọng gọi bà là Lễ-phi. Trước sau bà trải ba đời chúa, nên người đương-thời cho là ứng với kiểu đất: « *Nhất kinh chiến tam vương* ». Biết đâu đấy không là đầu mối câu chuyện « *nhất kinh chiến lưỡng vương* » của Ngọc-Hân công-chúa »? Chỉ cần nghe sao tin vậy và chỉ cần nhầm một chữ « tam » ra chữ « lưỡng »: hai điều ấy không phải « không chịu được thủy-thổ » đất này.

Vả, còn một tài liệu nữa để phá tan hẳn mối hoài-nghi: bài *Ai-tư-vãn* Trong lúc trốn-tránh, Ngọc-Hân công-chúa đổi phen đổi cảnh mà ai-hoài; trông « hoa héo don-don », ngắm đầu non khói tỏa mãnh-lực của tinh-thần trong chốc-lát phải thoái-bộ để mặc sức cho tình-cảm tràn-ngập cõi lòng. Một giây thôi, công-chúa không là người mẹ thắt lưng buộc bụng nữa: Công chúa lại trở lại người quả-phụ. Sóng dĩ-vãng dồn-dập tới, lớp lớp lại lớp lớp; con ốc thu mình vào trong vỏ để ôn lại nỗi thầm-kín của lòng Chính lúc ấy là lúc công-chúa lần-lượt đi từ cái hiện-tại phũ-phàng sang cái quá khứ xa xăm, từ tấm lòng yêu thương của chồng sang nỗi mình bơ-vơ đất khách, từ cảnh con cui-cút đến tuổi chúng ấu-sung thiếu cả di-mưu: cuộc « lữ hành » càng xa, lệ rơi càng nhiều, tiếng nức-nở càng lắm, như bấy nhiêu hành-tung trên con đường sầu-thảm. Bài *Ai-tư-vãn* chỉ là một xâu những hạt lệ ấy, một tràng những nức-nở ấy. Đọc suốt một trăm sáu mươi tư câu, — bài *Ai-tư-vãn* có một trăm sáu mươi tư câu, — thấy lời-lẽ thống-thiết, từ-tiệu du-dương, tấm chí-tình của công-chúa như để bộc-lộ ra ánh sáng. Không nghi-ngờ gì nữa: người đã viết nên những lời đẫm lệ ấy không dễ và không thể làm lại cuộc đời với bất cứ một ai nữa. Công-chúa bấy giờ đang đứng trong cảnh:

« *Nửa cung gẫy phím cầm lành,*
Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ ».

(Ai-tư-vãn)

Đến đây cần phải đặt một câu hỏi: có thực bài *Ai-tư-vãn* là của

Thống-chế PÉTAIN đã nói

« Nay chúng ta muốn tái tạo. Mà bước đầu mọi cuộc tái tạo là phế bỏ cái chủ nghĩa cá nhân chỉ chuyên môn phá hoại : phá hoại gia đình mà nó làm tan nát hoặc rã rời hết các mối giây liên lạc · phá hoại sự cần lao mà nó phản đối bằng cách công bố cái quyền lười biếng : phá hoại tổ quốc mà nó lay chuyển sự đoàn kết khi không phá nổi sự thống nhất.

Ngọc-Hân công chúa viết không? Vì chút tài-liệu bài ấy mang lại chỉ có giá trị khi nào chính công chúa viết ra bài ấy; vì có thể một nhà văn thấy cảnh-ngộ công-chúa xúc-động hồn thơ, đã thác lời công-chúa mà truy mộ người anh-hùng Đống Đa, cũng như bây giờ thi-sĩ Thượng-tân-thị viết bài *Khuê phu thán*. Trong câu hỏi này, phần quan-hệ ngang phan trở ngại. Song trong văn-chương Việt-nam, còn nhiều văn phẩm khác cũng chỉ biết dựa theo truyền-tụng mà định tác-giả; vì ở nước ta không mấy khi còn bút-tích để khảo-cứu. Vả, bài *Ai-tư-vãn* viết vào đầu Nguyễn-triều : ai người dám giữ lại nguyên-cảo của một « ngụy hậu » ? Chưng-cớ là về sau người ta đốt cả văn-thơ của Cao bá Quát vì Cao nghịch với triều-đình. Cố nhiên bài *Ai-tư-vãn* không thể nhờ ngọn bút, tờ giấy mà để lại đời sau. Người thương cảnh-ngộ công-chúa, yêu văn công-chúa chỉ còn một nơi tàng-trữ : trí nhớ ; chỉ còn một cách cho người thưởng-thức : truyền miệng, — truyền trong úc vắng-vẻ.

Vậy ta khó lòng mà hưởng sự tìm-tòi về phía tự-tích, mà chỉ nên hỏi công-chúa có phải là người có thể viết nên một trăm sáu mươi từ câu thơ não nùng, thảm-thiết ấy không. Tôi tin là phải : Công-chúa, khi còn là con gái, đã thông-suốt đồ sử ; sau gặp thảm-cảnh, thân góa bụa, con côi-cút, sống lần-lút với ngày nan. Đã có một học-lực uyên thâm, lại gặp một cảnh-huống bi đát, bài *Ai tư-vãn* là một kết-quả tất nhiên, như một mầm tốt gặp chỗ phù sa có đủ khí trời, hơi nước, khí nóng. Trong lúc chờ-đợi một chứng-cớ xác-thực, chúng ta có thể kết-luận mà không sợ lầm rằng Ngọc-Hân công-chúa đã viết ra bài *Ai-tư-vãn*.

Tuy vậy, nhiều người vẫn chưa hài lòng : nếu công-chúa là một người tiết-liệt, sao không chọn con đương thiên-cổ của các vì tiết-liệt ? Nghĩa là sao công-chúa không tuẫn-tiết đi ? Có phải miệng lưỡi thiên-hạ không tìm được một chỗ mà bao-biếm không ? Nhưng công-chúa đã có cớ để mà « kéo lê » mấy nam luân-lạc :

« Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ tình thâm chưa thoát được đi !
Vậy nên nấn-ná đôi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo ».

(Ai-tư vãn)

Gần đây, ông Sở-Bảo về làng Phù-ninh, phủ Từ sơn, tỉnh Bắc-ninh, quê làng bà Nguyễn-thị-Huyền tức Chiêu-Nghi Hoàng-thái-hậu, vợ vua Hiển-Tôn và mẹ đẻ bà Ngọc-Hân, có được mấy vị cố-lão kể cho nghe kết-cục thân-thế bà Ngọc-Hân. Theo lời ông Sở-Bảo đã thuật trong *Trung-Bắc chủ-nhật* số 53, thì sau khi nhà Tây-sơn mất, Ngọc-Hân công-chúa đem hai con về ẩn trốn một nơi ở tỉnh Quảng-nam, người con giai đổi tên là Trần-văn-Đức, người con gái đổi tên là Trần-thị Ngọc-bảo, còn chính bà cũng trá xưng là vợ góa một lái buôn ở Bắc, gặp loạn, chồng chết, mẹ con phải lưu lạc. Chẳng bao lâu, chân tướng cũng lộ, ba mẹ con bị bắt giải tỉnh, rồi bị triều đình dùng « tam-ban triều điển » xử tử cả. Bấy giờ bà tuổi mới ba mươi, con gái mười ba, con giai lên mười. Kế đó, bà Chiêu Nghi cho người đi lấy thi-thể con cháu về chôn ở làng Phù-ninh và lập đền thờ. Vài năm sau, nhân việc ghen ghét thường xảy ra sau lũy tre xanh, triều đình giáng chỉ trị tội những kẻ cường hào đã công nhiên cho xây lăng và đền thờ « ngụy-hậu ». Thế rồi đền phải phá, lăng phải đào xương, ba mẹ con bà Ngọc-Hân phải quăng xuống sông.

Nhưng họ Nguyễn ở làng Phù-ninh cũng có một người con gái xinh đẹp, tên là Nguyễn-thị Ngọc Bình được chầu vua Cảnh-thịnh. Được vài năm, nhà Tây-Sơn mất, bà Ngọc-Bình trốn đi tu. Chút tư sắc đã đưa bà đến bệ rồng chẳng bao lâu lại đem bà từ chỗ già lam về bệ rồng. Một vị quan đem bắt bà tiến chầu đức Gia-long nói bà có qui tướng : trong mình không hề đeo hương hoa gì, mà đứng đâu cũng thấy thoang thoảng mùi thơm mát dịu.

Nếu quả Ngọc-Bình cung tần mới chính hợp với câu *«Nhất kính chiếu lưỡng vương»* thì càng hay. Sau trên một thế-kỷ mang oan, Ngọc-hân công chúa phải được phục hoạt trong cái băng tuyết của tấm lòng tiết-phụ.

Không phải thế chăng nữa, cũng không sao. Câu *« nhất kính chiếu lưỡng vương»* cùng câu *«con vua mà lấy hai chồng làm vua»* đã chỉ là « con đẻ » của một sự vụng dại hay của một vu-hãm nhuốc nhơ, giờ này là lúc nên lấy nước trầm hương mà rửa mặt lại khuôn mặt ngọc người xưa ; giờ này là lúc nên lấy hết tinh tú mà kết lên khuôn mặt ấy một chiếc miện muôn muôn năm sáng tỏ.

HẾT

TAM-GIA

Cùng mấy nhà đại-lý chưa trả tiền

Bản-chí xét sổ còn mấy nhà đại-lý chưa trả tiền báo từ số 1, vậy mong các ngài vui lòng gửi relevé và mandat ngay về cho :

Nam-Thi (Laokay), *Librairie Idéale* (Nam-định), *Librairie Centrale* (Nam-định), *Vương-Công* (Quảng-ngãi), *Mỹ-Liên* (Qui-nhơn), *Trần-văn-Quon* (Long-xuyên), *Tân-Việt* (Mỹ-tho).

TÙY HỨNG

Chiều thu

Nắng thu rát, về chiều hơi dịu dịu,
Chấm sắc vàng ngọn cỏ, lá cây xanh.
Lúa đang chín, bốc mùi hương thơm ngọt,
Bông nặng mang, hứa hẹn của dân lành.

Chim ríu rít, lác đác bay về tổ,
Mỏ ngậm mồi, âu yếm nghỉ bầy con.
Trâu đủng đỉnh, chân đi, mồm bỏm bẻm,
Chẳng vui, lo rơm cỏ hết hay còn.

Sương trăng trắng nổi dần tràn mặt đất,
Khuấy hơi thu, vẫn sắc đục lờ đờ.
Từ xa lại, gió thu gây gấy lạnh,
Đuổi nực đi, đưa rét đến gần bờ.

CÁCH - CHI

Dịch thơ ta

Hoàng-việt thi-tuyển, một bộ sách gồm đủ những thơ ngũ-ngôn, thất-ngôn, tứ-tuyệt, bát-cú, và trường-thiên, cổ-thể của các bậc Đế, Vương, Khanh, Tướng từ đời Lý trở xuống, từ ba khoái trá, chẳng kém gì Đường-thi.

Cho được nhắc nhở đến thi văn của Tiền-nhân bằng cách phổ-thông, tôi xin phép lần lượt trích dịch những thơ trong « Hoàng-việt Văn-tuyển », để kính chất cùng độc-giả chư tôn. THI - NHAM

◆

I

Gửi cho một vị thuyền - sư

(người Tàu)

Sáng tự lai Nam-quốc,
Văn quân cửu tập thuyền,
Ưng khai chư phật tín,
Viễn hợp nhất tâm nguyên.
Hiếu hiệu lăng già nguyệt,
Phân-phân bát-nhã liên.
Hà thời lâm diện kiến,
Tương giữ thoại trùng huyền?

LÝ THÁI - TÔN

Dịch nôm :

Suy người mới lại nước ta,
Nhưng nghe học đạo Thích-ca đã từng.
Nhiệm-mầu phép Phật lâu thông,
Cội nguồn tự một cõi lòng mà ra.
Bóng trăng rõi chốn Lăng-già,
Tòa sen bát-nhã mùi hoa ngạt ngào.
Gặp nhau mong có khi nào,
Cùng nhau bàn những nghĩa cao, lẽ huyền.

THI-NHAM dịch

II

Gửi cho nhà Sư ở am Thanh - phong

Phong đả tùng quan-nguyệt chiếu đình,
Tâm kỳ phong cảnh cộng thê thanh.
Cá trung tư vị vô nhân thức,
Phỏ giữ sơn tăng lạc đáo minh.

TRẦN THÁI-TÔN

Dịch nôm :

Sân, bóng trung lồng ; cửa, gió lay:
Cảnh kia trong vắt tựa lòng đây.
Dễ ai biết rõ mùi trong ấy,
Vui, mặc sơn-tăng xuốt tháng ngày.

THI - NHAM dịch

●

III

Chơi phủ An-bang

(ở Quảng-yên Trần-Thánh-Tông)

Triêu du Phù-vân kiệu,
Mộ túc Minh-nguyệt loan.
Hốt nhiên đắc giai thú,
Vạn tượng sinh hào đoan.

TRẦN THÁNH TÔN

Dịch nôm :

Núi Phù-vân, dạo sớm ngày,
Chiều về Minh-nguyệt bến này nghỉ ngơi.
Vô tình bỗng gặp thú vui.
Muôn vàn cảnh tượng, một ngòi bút hoa !

THI - NHAM dịch

Suối nhỏ

Nước suối luồn qua khe đá rách,
Vắt ngang lởm chởm bám rêu dầy,
Buông xuống chân non tơ lụa bạch
Nhũn-mềm, óng ả, nhẹ nhàng bay...
Bay theo gió lướt, mơn ngành cỏ,
Dỡn cợt bình minh, ánh vạn hình,
Ngân giài tiếng nhị khi to nhỏ,
Đổi mới luôn luôn khúc nhạc tình,
Với du-dương điệu ngây lòng khách
Nằm bên lau-lách lắng nghe chơi :
Nguyên-tử (1) vô-tri đài cầm-thạch
Âm-ỷ, vẳng lặng, truyện-trò vui...

MINH - TUYỀN

(1) Atome.

Giai-thoại trên đàn văn

Trạng Me đè trạng Ngọt

TRẠNG Ngọt (không biết tên thật là gì), người xứ Kinh bắc (bây giờ là tỉnh Bắc ninh), khi còn bé, nhà nghèo lắm, nhưng rất hiếu học.

Một hôm, ra đường gặp võng quan trấn Kinh-bắc chầy qua, sau võng quan Trấn, có võng tiểu thư cực kỳ diễm-lệ, ông lấy làm mê lắm, mới nằn-nì với phu võng cho mình khiêng thay võng tiểu thư để được ngắm nhìn người ngọc.

Xong về, ông nhất định nói với mẹ đến hỏi tiểu thư con quan Trấn-thủ làm vợ. Bà mẹ sợ không dám đi. Sau vì ông van vỉ mãi và lại vì lòng thương con, bà mới đánh liều đến dinh quan Trấn thủ, vào hầu bầm hết sự tình và nói rõ nỗi gàn dở của con.

Quan Trấn thủ cười bảo: « Đã thế bà về gọi nó đến đây, ta xem học hành ra làm sao, nếu quả là tài giỏi ta sẽ gả tiểu thư cho ».

Bà mẹ về, bảo ông sắm sửa khăn áo đến hầu quan Trấn thủ. Quan Trấn trông thấy ông không có gì là xuất sắc: người thì đen mà lùn, duy chỉ có đôi mắt là khác thường, hỏi đến việc học sách vở thì ứng đối rất lưu loát, quan mới bằng lòng cho ở trong dinh bẹn thi có đỗ mới gả con và cho phép được làm rể.

Năm sau, gặp khoa thi hương, ông đỗ thủ khoa. Được ngày tốt, y hẹn, quan Trấn cho được làm lễ thành thân.

Nhưng tối hôm làm lễ hợp cẩn, tiểu thư nghe biết truyện tân lang là anh khiêng võng ngày trước và lại thêm đen đủi xấu xí, mới sai con hầu cầm thiếp ra nói rằng: «Cô tôi có một vế câu đối, nếu quan Tân khoa đối được xin mời vào làm lễ hoa chúc »

Câu ra rằng:

Ốc lâu nguyệt xuyên, hình như kê hoãn, tam tam, tứ tứ

(nghĩa là nhà thủng, bóng giăng soi xuống, trông hình như ba bốn quả trứng gà).

Ông nghĩ một lúc không sao đối được, xấu hổ quá vì công dùi mài trong mấy năm, mới đến được ngày sung sướng mà lại gặp phải cô dâu hay chữ quá, thật là uổng công chờ đợi.

Nghĩ buồn, tức, mới bỏ ra bờ sông (có lẽ định tự tử), thế nào tình cờ trông thấy bóng giăng soi, hàng nghìn hàng vạn sóng bạc đang dập dềnh, tự nhiên sinh tứ, vội về dinh quan Trấn thì giời đã khuya, gọi con hầu đưa thiếp vào tiểu thư và đối rằng:

Giang trường phong lông, thế tự long lâu, đ ệp điệp, trùng trùng,

(Nghĩa là sông giài gió thổi, trông sóng lớp lớp như vầy rồng).

Đối xong, tiểu thư sai thị nữ mời vào làm lễ hợp cẩn.

Hôm sau tiểu thư mang câu đối trình quan Trấn thủ, ngài bảo cứ khẩu khiếu này mai sau chồng con đỗ Trạng nguyên.

Nhưng rồi thay khoa thi hội, rồi đến đình thi, văn bài ông đều hay cả, duy chỉ phải một nỗi sấu nên phải đánh xuống thứ hai (khoa ấy hai Trạng ?), mà ông Trạng đỗ đầu là Trạng Me, văn tuy hơi kém ông Trạng Ngọt nhưng đẹp giai, chưa vợ, vua muốn kén làm phò-mã, mới lấy Trạng Me lên trên. Bởi vậy người đời ấy có câu « Trạng Me đè Trạng Ngọt » truyền đến bây giờ.

TIÊN ĐÀM

(Thuật theo một nhà nho ở Bắc ninh)

Sách mới

Chúng tôi vừa tiếp được:

1°) *Tôi làm xiếc* (phong sự dài, giải thưởng Việt báo 1940) của ông Hữu Thiện. Giá 0 p, 38

2°) *Nợ văn*, phóng sự của Lãng Tử giá 0 p. 45, đều do nhà xuất bản Tân-Việt phát hành.

3°) *Đâu là chân lý* của ông Song An Hoàng ngọc-Phách (văn luận thuyết và văn tiểu thuyết). Giá 0 p, 80.

4°) *Con sao trắng* (loại sách hoa mai) giá 0 p 10, đều do nhà Cộng Lực 9, hàng Cót Hanoi xuất bản.

Xin cảm ơn và sẽ có bài phê bình sau. T. T.

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 8

Bán ở nhà in « Du Dương » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p 50.

Sử-liệu sống

Đốc Đen qua mấy bài văn tế

BẢO- ÂN

SAU khi đặt cuộc bảo hộ xứ Bắc-kỳ (1884) chính phủ Pháp vẫn phải phái quân đi các nơi dẹp loạn Riêng vùng Nam-định đã bao lần bọn Đốc Đen Đốc Tít, Đốc Nghĩa hoành hành..

Trưa hôm rằm tháng tám năm Kỷ sửu (1889) ông phủ Thái-bình (hồi đó còn là phủ Tuá-bình thuộc tỉnh Nam-định) là Bùi-Phủng bỗng nhận được tờ mật sức của viên quan một coi đồn Phụ-dực về việc nã tróc Đốc Đen. Tên này, sau khi thua trận Hóa-tai, liền trốn về làng Yên-lũ.

Ngay chiều hôm đó, toán lính đồn cùng họp với nha lệ phủ bí mật kéo về Yên-lũ Tới nơi trời đã tối, nhưng ánh trăng rằm cũng đủ soi sang vùng quê. Nhân dân đâu đó đều yên lặng vì họ còn lo đề phòng bọn cướp hơn là nghĩ đến thú trông trăng. Một làn không-khí nặng nề, lạnh lẽo bao phủ khắp vùng.

Theo lời viên quan một, ông Bùi Phủng đốc-thúc quân lính vây bọc khắp làng và chỉ đề tên Khái theo hầu dẫn đường cho viên quan một vào làng bắt giặc

Lúc đó vào đầu giờ tuất. Con chó săn theo chủ chạy loăng quăng sục sạo. Tới rặng tre đầu làng viên quan một vội gò cương nghe ngóng Vẫn không động tĩnh, lại tiến thêm mươi bước nữa. Ánh trăng thu lọt qua khe lá dày thành những vệt loang ổ gập ghềnh.

Đúng lúc bất ngờ, bỗng huyên một tiếng: viên võ quan lộn nhào xuống đất, con ngựa rít lên và chồm lùi lại đằng sau. Tiếng chó sủa vang tiếp theo tiếng kêu thất thanh của tên Khái dẫn đường:

« Ối quan Phủ ơi! Nó giết mất ông quan một rồi..! »

Biết là có biến, ông phủ Thái-bình dẫn lính ập lại: Nhưng đã quá muộn

Kiểm duyệt bỏ

Kiểm duyệt bỏ

Và ngày hôm sau, tang lễ đã cử hành long trọng. Trước khi hạ huyệt, ông phủ Bùi-Phủng không quên đọc một bài văn tế như sau:

« Nước Đại-Nam, vua Thành-thái đầu năm Kỷ-sửu, tháng 8, ngày 23, tức là ngày mồng 8 tháng 9 tây năm 1889.

« Quan tỉnh Nam-định, sức xuống phủ Thái-bình, tri phủ là tôi, đem nha lệ với chánh phó tổng các tổng biện lệ hoa quả, sôi một vàn, bò một con, rượu hai nồi, kính bầy trước mồ ông quan một đồn Phụ dực là ông Kỳ-Ri vi-e (1) (?) tế mà than rằng:

« Ông là dũng anh hùng mà lòng trung hậu, mười lăm năm ra lính, mấy mươi trận cầm quân. Nước Đại-pháp đã thưởng mề-đay. vua An-Nam cũng ban kim-khánh.

« Từ khi về đồn:
« Dốc lòng bảo hộ,
« Hết sức trung trinh.
« Từ đồn Phụ-dực
« Sang phủ Thái-bình,
« Đến huyện Thanh-quan.
« Vào làng Yên-lũ,
« Cứ đem tên Khái,
« Dẫn bắt thằng Đen:
« Bởi vì khinh chàng nó quần hồ,
« Đến nỗi thiệt một người mãnh-hổ!
« Thương ôi!
« Nửa đêm gió cuốn,
« Một phút mây bay.
« Hồn thiêng tướng đã về đâu,
« Tiếng tốt con ghi ở đó.
« Nay tôi
« Vâng lệnh quan tỉnh,
« Theo tục nước Nam:
« Ngọn đèn, nén hương,
« Đĩa hoa, cốc rượu.
« Nghĩ lại sông dài, bể rộng, cách trở bao xa..
« Tưởng như tướng mạnh, thần thiêng, linh khôn cũng thấu.»

Liền theo ông huyện Thanh-quan cũng đọc tiếp:

« Từ bên Đại-Pháp
« Sang cõi An-nam,
« Trông phép nước như việc nhà đồng lòng bảo hộ.
« Đem quân quan đi đánh giặc. mấy trận xông-pha...
« Ngày rằm tháng tám, sắp linh đồn qua huyện Thanh-quan vào làng Yên lũ:
« Thương ôi!
« Nửa đêm lăn lộn, không để thằng Đen.
« Ba huyện xông pha, vì thương con đỏ.
« Đã trải bên đông, bên bắc, vua cũng biết tên.
« Ai hay làm tướng, làm thần, giời cho để tiếng.
« Nay tôi
« Vâng lệnh quan trên sức xuống,
« Khắp đem nha lệ đều sang,
« Nghĩ lại đường dài, trông theo ngọn cỏ..
« Gọi là lễ bạc, xin giãi tấm lòng..»

Qua năm sau là năm Canh-dần (1890) trải bao phen vất vả gian nan, ông phủ Thái nhờ bọn giai nhân đắc lực mới lừa được tên giặc ghê gớm đó ở góc chùa Kênh: cho uống rượu say mềm rồi bỏ cũi nộp tỉnh.

Nhân dân hạt Thái-bình từ đấy cũng đỡ khổ-sở vì giặc cướp và cũng vì thế mà ông phủ Bùi-Phủng được đặc cách thăng án-sát Hưng hóa (thuộc tỉnh Phú thọ bây giờ),

BẢO-VÂN (Thái-bình)

Thuật theo lời bà nội tôi đã 76 tuổi

(1) Theo bản chữ nôm dịch âm là thế, song chưa rõ tên ấy thế nào, xin các bạn biết trỏ giùm.

Một ngày mấy lượt treo non,
Lấy gì làm đẹp, làm giòn ! hỡi anh ?
Một ngày ba bận treo đèo,
Vì ai, vú xếch, lưng đeo ! hỡi chàng ?

THỀ phú Bốn câu này cũng giống ý với hai câu *« Ngày ngày hai bữa cơm đen, còn gì má phấn, răng đen ! hỡi chàng ? »*

Đó là cảnh một bạn gái cần-lao hằng ngày phải trèo núi hoặc để hái củi, hoặc để cắt cỏ hoặc để mua bán, đổi trác hóa-vật với dân thổ mán, lăn lộn làm ăn vất-vả, nên mới than-vãn như thế với chồng hoặc với một chàng « ý trung » mà nàng gặp-gỡ.

Phải, với tính siêng năng chăm-chỉ, một ngày nàng phải nhọc-nhằn trèo-leo đường núi gập-ghềnh đến mấy lần, phần vì dùng sức quá nhọc-mệt, phần vì nắng sém, mưa dầu, thì nhan-sắc còn lấy đâu làm đẹp, nước da còn lấy đâu làm giòn được nữa ?

« Đèo » là chỗ lối eo thắt ở giữa khoảng hai dãy núi, rất hiểm-trở khó-khăn cho người đi qua. Thế mà người thiếu-phụ kia một ngày phải ba lượt trèo đèo, đủ tỏ cái đức-tính siêng - năng chăm-chỉ là thế nào !

Khi trèo đèo, người thiếu-phụ, lưng phải đeo rỏ (như những phụ-nữ thổ-mán thường làm), vú phải nịt đỡ cho khỏi tức sữa, lần-mò gian - nan mới vượt được những quãng đèo hiểm-trở. Để làm gì ? Để kiếm miếng « sinh-sống », giúp gia-đình ấy là vì ai ? Vì chồng, vì con, vì cái thiên-chức thiêng-liêng của người làm vợ, làm mẹ.

◆

Đôi ta cố sức lên ghềnh:
Em ra đừng mũi, để anh chịu sào.

Thề phú. « Ghềnh » là chỗ nước chảy siết rất mạnh, dưới có đá ngầm lồm-ngồm, cực nguy-hiểm cho thuyền-mành qua lại. Vì vậy, người ta thường dùng cái thành-ngữ « lên thác xuống ghềnh » để chỉ về sự gì nguy-nan, vất-vả.

Hai vợ chồng nhà này rất mực siêng-năng, đồng lao cộng tác trong công - việc khó-khăn nặng-nhọc. Ví như bơi thuyền vượt một cái ghềnh có hiểm - tượng « khéo thì nổi, vụng thì chìm » kia, họ cùng nhau hăng-hái trổ sức, vợ cầm mái chèo bơi ở đằng mũi thuyền, chồng cầm sào chèo-chở ở đuôi thuyền, vui-vẻ phấn-đấu với luồng nước chảy xô như thác, can-đảm vượt khỏi những khúc gian-nguy. Một khi đến được lòng sông phẳng - lặng, thuận giòng bơi thuyền, vừa chèo, vừa hát, đi đến bên bờ hạnh-phúc, ăn kết quả của công-phu siêng-năng chăm chỉ, còn gì sướng bằng !

Như vậy, họ có thể cười mỉa những kẻ chỉ quen chịu được những cạnh thuận mà không đủ nghị-lực và can-đảm để đối-phó với cảnh nghịch, rồi đâm ra cáu nhau, cắn nhau khi gặp phải bước gian-nan cực-nhọc : *« Thuận buồm, xuôi gió, chén chú, chén anh ; lên thác, xuống ghềnh, mày tao chi tớ »* !

◆

Đôi ta là nghĩa tao khang,
Xuống khe bắt ốc, lên đàng hái rau

Thề phú. « Tao khang » là « tấm cám ». « Nghĩa tao khang » là tình-nghĩa vợ chồng lấy nhau từ thủa hàn-vi nghèo khổ, không đủ gạo ăn, phải ăn độn cả tấm cám. « Khe » là một cái lạch phát-nguyên từ trong núi đá chảy ra, tức là khe núi. « Lên đàng » cũng như « lên đường ».

Hai câu này ý nói hai chúng ta lấy nhau từ lúc nghèo-nàn, ăn tấm cám, đã từng cộng tác với nhau trong cảnh làm ăn siêng-năng, sinh-sống vất-vả : nào lúc bắt ốc ở trong khe núi, lúc hái rau ở bên đường cái, nếm trải nhiều « mùi » cần-lao...

Khi hàn-vi đã có nhau, thì lúc giàu sang sung-sướng, vợ chồng ta không nên quên nhau, phụ nhau. Vậy nên người xưa đã nói : « Tao khang chi thê bất khả há đường » ; nghĩa là không nên để cho người vợ tao-khang phải ra khỏi nhà mình. Ý nói không nên phụ-bạc người vợ « tấm cám », vì người ta đã đồng lao với mình trong những mầu đời nghèo-khổ gian-truân,

◆

Đàn ông học sẩy, học sàng,
Đến khi vợ đẻ, phải làm mà ăn.

Thề phú. « Sẩy » nghĩa là cho gạo vào cái mẹt rung lên rung xuống, bắt những mảnh chấu ra ngoài. « Sàng » nghĩa là cho gạo xay vào cái sàng, một thứ đồ đan bằng tre, lơn bằng cái mẹt, thưa nan và to mắt hơn cái gần, rồi lắc-lư rung-rung, xoay đi xoay lại, khiến cho gạo thì lọt xuống mặt nia hứng ở dưới, còn chấu thì tụ ở trên, bấy giờ mới rón bốc lấy chấu mà loại bỏ ra.

Ở nhà quê, người đàn bà, bình nhật, thường làm việc xay dã. Trừ ra những lúc sinh-đẻ ở cữ, thì nhà « chuyên môn » ấy mới tạm phải lìa bỏ công-việc rất cần ấy. Bấy giờ nếu người đàn ông không biết sàng sẩy thì dù có thóc đấy cũng khó lòng làm được ăn đâu.

Số 3

PHONG-DAO

Chia loại và giải nghĩa

HOA - BẰNG

Muốn cho đàn ông có đủ tư-cách để ứng-phó với việc cần trong khi người vợ « nằm bếp », thì bình-nhật phải tập sự làm lụng, phải học cả công-việc giản sàng là việc vẫn dành riêng cho đàn bà mọi khi, thì lâm sự mới khỏi nhỡ-nhàng lúng-túng.

Hai câu này có ý khuyên người ta phải biết dự-bị làm việc, phải siêng-năng luyện-tập cả những việc ngoài địa-hạt mình đứng để phòng ứng-phó với những lúc bất kỳ, như thế mới tránh được cái nạn gặp việc lạ-lùng thì bỡ-ngỡ bối-rối.

GIẢN-DỊ, MỘC-MẠC

Nông-dân có tính rất tốt là ưa giản-dị mộc-mạc, vì họ nghĩ rằng *« Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, thà rằng đẹp nết còn hơn đẹp người »*. Chính nhờ những tính tốt ấy của họ, ruộng đất mới có hoa-lợi, căn-bản quốc gia mới được vững-vàng.

Sẵn tính chất-phác, họ lại đứng vào địa-vị bình-dân, sống trong cảnh cần-lao, nên đời họ lúc nào cũng thường nhuộm một màu « giản-dị mộc-mạc ».

Họ giản-dị từ thức ăn cho đến đồ mặc : *« ăn lấy đặc, mặc lấy dày »*, chứ không chuộng xa-hoa kiểu-cách.

Họ mộc-mạc từ lời ăn tiếng nói đến cách hành-động. Cái gì họ cũng *« bánh đúc bay sàng »*, chứ không *« hoa hòe hoa sói », « màu-mỡ riêu cua »* chi cả.

Nếu là người vợ mộc-mạc, thì họ nói thẳng với chồng : *« Chang ơi, đừng phụ thiếp chi ! Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng ! »*

Họ cho rằng ở đời « hữu sạ tự-nhiên hương », không cần phải phô-trương, quảng-cáo. Nếu mình là một cô gái đẹp thì thế nào cũng có tiếng-tăm đồn-đại khiến ai cũng biết, chứ cần gì phải nhỉ-nha nhỉ-nhảnh làm ra ta đây kẻ giờ. Phải, *« Nếu đẹp đã có tiếng đồn, nọ là nhỉ-nhảnh như trôn chích chòe »* Vì họ nghĩ thế, nên họ có thể cứ sống một đời bình-dị chất phác như một cô gái xuề-xòa không làm đỏm, không theo thời-trang.

Mục này sẽ giới-thiệu với các bạn đọc những đức-tính « giản-dị mộc-mạc » ấy của nông dân.

●

Chồng người xe ngựa, người yêu ;
Chồng em khố đũi, em chiều, em thương.

Thề phú. Một bạn gái mộc-mạc ở thôn-quê đã giàu tính giản-dị, lại có cái quan-niệm về ái-tình rất cao-thượng.

Chồng nàng chỉ là một anh « bố cu » đong chiếc khố đũi, thật không có cái gì đẹp đẽ trước con mắt thẩm-mỹ của người ngoài, cũng không có cái gì là lộng - lẫy, nghênh-ngang trước cái hiếu-thượng của lòng thế-lợi, song nàng vẫn yêu chồng, vẫn chiều chồng, vẫn gây được hạnh-phúc trong túp lều tranh tiều-tụy.

Khi ra ngoài, thấy chồng người lên xe, xuống ngựa, sung-sướng giữa cảnh phú-quí vinh-hoa, nàng chỉ chép miệng một cái, gạt phắt một lời : « Đó là chồng người ! Mặc để người chiều, người yêu. Về phần ta, ta đã có bố cu nó để ta cưng, ta quí rồi, mặc dầu bố cu nó nhà ta chỉ là một anh chàng giản-dị mộc mạc đóng có một chiếc khố đũi ».

Hai câu này là một bức tranh tả vẽ hai cảnh khác nhau trong xã-hội, hình-dung được trái tim vàng ẩn trong áo nâu của hạng mẹ dĩ không tiền không tuổi sau lũy tre xanh.

●

Đầu tôm nấn với ruột bầu,
Chồng chan, vợ húp, gật đầu khen ngon !

Thề phú. Đầu tôm là phần không ngon trong con tôm, cũng như cái ruột bầu là phần đáng bỏ trong quả bầu Vì sống một cách bình-dị ăn uống một cách kiệm-ước, gia-đình chất-phác ấy nấu canh ruột bầu với đầu tôm là một món ăn, thực ra, chẳng có giá-trị gì cả. Vậy mà, khi hai vợ chồng ngồi quây bên mâm cơm, nào chan canh, nào húp canh, ăn uống ngon lành, ai nấy tấm-tắc khen : canh ngon ! canh ngọt ! Thế đủ rõ tâm-lý dân quê thật quá đơn giản : một bát canh tầm-thường cũng đủ làm thỏa-mãn tấm long chất-phác của họ.

Ngoài ý ấy ra, hai câu trên nếu là nói giọng mỉa-mai thì có ý nghĩa là : ăn uống khám khổ như thế, bát canh vô-vị như thế, vậy mà vợ chồng nhà ấy quê-kệch không biết gì, đến nỗi cứ cầm đầu chan húp, khen lấy khen để...

Còn một ý nữa : Hai vợ chồng nhà ấy, vì yêu thương nhau, thở hút trong bầu không-khí hòa-thuận, không chán nản vì nghèo khổ, không buồn rầu vì gặp phải cảnh-ngộ hẩm-hiu, cứ hăng-hái, cứ vui sống, nên đối với món ăn rất xoàng-xĩnh, song họ vẫn ăn-uống một cách ngon lành, « húp hòa-khí » trong bát canh cực đạm-bạc.

HOA-BẰNG

Tạp trở

Cách kén vợ của ông Ulysse Grant, Tổng-thống Mỹ trước

MUA xuân năm 1855, người ta thấy cái quảng cáo này đang trên một tờ báo hằng ngày ở vùng Tây-Mỹ :

« Một chủ trại, 38 tuổi, muốn trao đổi thư từ (cốt để kết duyên về sau) với một thiếu nữ dễ thương, không cần phải đẹp và thông minh. Xin viết cho U G. ở tòa báo. »

Bấy giờ máy chữ chưa có để bán cho người ngoài dùng, mà bút máy cũng không có, cho nên cô *Meg Chariton*, sau khi đọc cái quảng cáo trên, liền cầm bút viết :

« Thưa ông, tôi không phải là hoạt khôi, mà cũng chẳng ai bảo được rằng tôi thông minh. Tôi còn trẻ và quen việc nặng nề. Tôi không thích ở tỉnh, và rất sung sướng nếu được ở trong một cái trại về vùng nhà quê. Nếu tấm lòng thực thà của tôi không làm cho ông phật ý thì tôi mong rằng ông hãy dành một vài phút trả lời cho tôi được biết ý kiến của ông. »

Quả được 2 hôm cô nhận được bức thư trả lời :

« Kính thưa Chariton quí-nương, chắc quí nương cũng là một tay chơi đã dùng thì giờ nhàn rỗi, để thêu dệt lắm điều dối dá. Tôi dam chắc rằng quý nương ghét cái đời sống vô vị ở nhà quê, ghét cả những công việc nặng nề ở nơi đồng ruộng. Mà có lẽ chính quý nương cũng như tôi thích các cuộc hội họp ngoài thành thị hoặc ở chốn xa hoa. Tôi đăng cái quảng cáo kia sợ làm trò cười cho thiên hạ. Đó, cô coi tôi cũng thành thực lắm. Nếu sau khi cô đọc những câu tôi đã nói trên mà ý cô còn nghĩ đến tôi, thì tôi mong cô đến thẳng chốn Madoawille, cô cứ hỏi bất cứ người dân quê nào ở đấy cũng sẵn lòng chỉ chỗ ở của tôi cho cô biết.

Người sẵn lòng hợp tác với cô nếu cô muốn.

Ulysse Grant. »

Các bạn có biết cô Meg đọc xong thư thì nghĩ thế nào không ? Cô ấy chẳng hề nghe anh em bè bạn khuyên bảo cứ thân đến Madowville tìm tới biệt thự ông Grant rồi chẳng bao lâu hai mắt cùng liếc, hai tình cùng ưa, mối giây thân ái mỗi ngày mỗi buộc chặt.

Cách đó 2 tuần lễ, hai người đã trở nên đôi vợ chồng thương yêu nhau một cách đằm đà.

14 năm sau, ông chủ trại Madowville, tức ông Ulysse Grant được dân Hoa-Kỳ bầu làm tổng-thống.

Khái-Sinh thuật

Cải-chính

T. T. số 14 có mấy chỗ cần sửa lại : Bài Nguyễn văn-Thắng, tr. 10, c. 3, d. 2 chỗ tiểu chú, sau chữ « là » còn sót « Hồ thị Nhơn, chị em với bà » Hồ thị Huê.

Bài « khói trà hương đượm... » tr. 14, c. 3, d. 2 : « đanh », sửa là « dành ».

Bài « Ông Ích Khiêm », tr 18, c. 3, d 12, « ông Tiễn Ông », sửa là « ông Tiễn Ông ».

Bài « Văn học sử », tr. 19, c. 2, d 6 : sau ...đời Nam-Bắc triều .. », sót « (420-618) » ; tr. 13 c. 1 vì thợ in sếp lộn ba dòng 15, 16, 17 vào giữa nên rất khó hiểu giờ xin đặt ba dòng ấy xuống cuối cùng cột 1, theo thứ tự như vầy : « . .Vào đời Càn long nhà (d. 34) Thanh (1736-1795) thì lối đó (d. 15) thinh hành lắm (d. 16). Lối tây-điện không phải (d. 17) là từ, cũng không phải là khúc (c. 2, d. 1) v. v. »

Cùng bài ấy, tr. 13, c 1, d 30 : « Hàng lịch điệu... » sửa là « Hoàng-lịch điệu » ; c. 2, d 22 : « nhà Nguyễn . » sửa là « Nhà *Nguyễn* » (không có dấu ngã

Các bạn muốn biết rõ phương lược dụng binh và chiến-tuyến trong hai lần Mông-cổ Nam xâm và nhà Trần kháng chiến thế nào xin đọc coi một bài khảo cứu rất công-phu và hai bức bản đồ chỉ-thị rất tinh-tường của Biệt-Lam Trần-huy-Bá trong số đặc-san Trần-Hưng-Đạo.

Danh-sách các vị đã trả tiền báo

Không kể tên các vị đã giả tại tòa báo có giấy biên lai

(Tiếp theo mấy số trước)

Ô Viên đức-Thành Bến thủy	5$50
Hồ phỉ-Phấn Vinh	1 50
Ng. v.-Thanh —	1 50
Đinh văn-Tường Bến thủy	2 80
Lê viết-Lợi —	2 80
Lý bình-Huê Bắc liêu	5 50
Long thành Soc trang	2 32
Phạm công-Nhơn Honquan	2 80
Tỉnh Vĩnh yên	2 00
Trang hiếu-Nghĩa Bắc Liêu	5 37
Nguyên thế-Tài Saigon	2 80
Tr. công-Định —	2 80
Ng văn-Cường —	5 50
Lê-Đạt Phontiou	2 80
Nguyễn tài-Minh Laokay	2 80
Vũ đình-Phòng Namdinh	2 80
Võ tấn-Phát Vĩnh long	1 00
Minh Sơn Ben tre	9 45
Hội ký Nam định	7 36
Phạm công-Quế Viétri	1 25
Nguyễn duy-Tuy Hanam	1 50
Hương giang Faifo	3 19
Đông lâm Phúc yên	0 66
Tân Tiến Phủ lạng Thương	2 57
Trường xuân Pnom pénh	2 97
Thanh Tao Vinh	2 40
Ng. thành-Đàm Saigon	34 69
Hương-Giang Huế	2 01
Nguyễn văn Chí Kempot	3 00
Lê van Nưu Quy-nhơn	2 80
Trương Trung Ngọc van mit	1 50
Lương Hoè Tour ham	1 50
Lê thành Tuân Huế	10 58

(Còn nhiều nữa)

Cuộc đàm-phán Hoa-kỳ và Nhật-bản

NHẬT-NHAM

SAU khi Đức tuyên chiến với Nga sô Viết, Hoa-kỳ đứng ngoài công bố hết sức giúp Nga để chống nhau với đảng Quốc-xã đến cùng.

Việc giao thông trên mặt bể Đại-Tây-dương gặp nhiều sự nguy kiểm, và con đường vận tải từ Hoa-kỳ sang Nga về phía Âu-châu không thể rút ngắn thời gian giúp chiến cụ cho Nga, nên Hoa-kỳ dùng một con đường tiện lợi hơn là tải khí giới qua Thái-Bình-dương tới thị-trấn Komsomolk miền Tây-Bá-Lợi Á để giao cho Nga.

Komsomolk là một thành phố mới dựng trên tả ngạn sông Amour, cách hải-khẩu 300 cây số có nhiều xưởng máy, có nhiều docks để sửa sang các tầu thủy đi lại trên sông Amour có một xưởng lắp máy phi cơ, thực là một thị trấn miền duyên giang rất phồn thịnh.

Komsomolk giao thông với:

1) Đường hỏa xa xuyên qua Tây Bá-Lợi-Á Đường hỏa xa này nối với đường tầu hỏa Baikal — sông Amour ở ga Tashet, cách 600 cây số về phía tây Baikal.

2) Yakontsk, trên sông Jéna rất tiện lợi cho các tầu bè đi lại, trong mùa đẹp trời.

Như vậy sự giao thông giữa Thái Bình dương và Nga sô Viết rất tiện lợi cho Hoa kỳ giúp Nga được nhanh chóng.

Vì đường vận tải này suyên vào giữa đảo Kourides và Kamschatka nước Phù Tang, Nhật Bản không thể ngồi nhìn các tầu Hoa Kỳ tải khí giới qua hải phận Nhật để giúp Nga đánh các bạn mình trong Trục. Đại-sứ Nhật tại Moscou phản kháng việc tải khí-giới qua Hải-sâm-Uy với chính phủ Nga. Nhật yêu cầu Nga để ý đến việc nhập hóa cảng các phẩm như dầu nặng, dầu nhẹ và các chiến cụ vào Nga qua Hải sâm Uy, ngay cạnh nước Nhật gây nên một tình thế khó khăn cho Nhật.

Nga tuyên bố Nhật sẽ mất tình hòa hiếu với Nga, nếu Nhật ngăn cản sự giao dịch giữa Nga và Hoa kỳ qua các hải khẩu Viễn Đông vẫn có từ trước hồ. Âu chiến vì Nga không hề quan tâm đến việc Nhật nhập cảng hàng hóa ngoại-quốc vào nước Nhật cũng ngay ở cạnh Nga

Rồi có tin Nhật huy động quân đội tại biên thùy Nga Mãn. Nga để ý đến hành động của Nhật và nghĩ đến cuộc tấn công của Nhật vào miền duyên hải Nga có thể gây ra một cuộc chiến tranh Nga-Nhật.

Từ trước, Nga vẫn tập trung 10 triệu quân tại Tây Bá Lợi Á Trước lực lượng ấy Nhật cũng e phi cơ Nga từ căn cứ địa Nga sang tàn phá các thị trấn Nhật.

Nếu Nhật ngăn không cho chiến cụ Mỹ tải sang Nga qua Hải Sâm Uy, Hoa Kỳ và Anh sẽ tỏ thái độ cương quyết.

Sự kết liên Nga Anh tuy chỉ chú trọng đến mặt trận Âu, nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình Viễn đông.

Một khi Nhật ngăn không cho Mỹ tải chiến cụ sang Nga qua Hải Sâm Uy, Nhật không những phạm vào hiệp ước bất xâm phạm với Mạc Tư Khoa mà lại còn công nhiên phản đối Hoa Kỳ.

Vì vậy, giữa Hoa Kỳ và Nhật có cuộc đàm phán rất quan trọng, để giữ cho Thái Bình Dương khỏi nổ sóng.

Nào thủ tướng Cận Vệ tuyên ngôn, nào tổng thống Rossevelt và ngoại giao tổng trưởng Hull hội đàm nào tổng thống Hoa Kỳ tiếp đại sứ Nhật Nomura, nào các báo Mỹ Nhật bình phẩm, rút cục lại hai bên đều hi vọng không trở lại tình thế gay go giữa hai nước Hoa Kỳ và Nhật.

Trên con đường đàm phán, các chính giới hai nước đều tỏ thái độ rất dè dặt, không bình phẩm nhiều. Hoa Kỳ công nhận mình đã áp bức Nhật đến cực điểm về mặt kinh tế nên không muốn khiêu khích Nhật để tăng sự ác cảm của Nhật đối với Hoa kỳ Về phần Nhật cũng không muốn đoạn tuyệt với Hoa kỳ vì Hoa kỳ là một thương trường to để Nhật tiêu thụ các hóa phẩm khỏi phải đình trệ sự sản suất về kỹ nghệ.

Cuộc đàm phán với Đông kinh dựa vào nhời tuyên bố của Hoa kỳ muốn giữ nguyên vẹn tình hình Viễn đông

Hoa Thịnh Đốn rất chú ý đến cuộc đàm phán với Nhật, cốt sao khỏi hạ đến tình hòa hiếu với Trung Hoa hay một cường quốc khác ở Viễn Đông như Nga mà hiện thời Hoa kỳ đương giúp.

Cuộc đàm phán với Đông kinh được toàn thể dân chúng Mỹ hoan nghênh Tổng thống Hoa kỳ được ủng hộ như thế tuy dù cuộc điều đình bất lợi, dân chúng đứng sau tổng thống sẽ sẵn sàng giúp tổng thống đối phó với tình thế bằng các phương pháp tối cần.

Vì các nhẽ trên này ràng buộc hai cường quốc, cho nên dù nội tình dù ngoại bộ Mỹ, cuộc đàm phán với Nhật khởi thủy đã có hi vọng kết quả rực rỡ cho Hoa kỳ, kết quả thứ nhất là cần cho Mỹ giúp Nga tải khí cụ qua miền Tây Bá Lợi Á

Một chứng triệu tốt đẹp là một chiếc tầu Mỹ tải dầu mỏ đã tới Hải Sâm Uy ngày 4-9-41 qua hải phận Nhật Bản mà Nhật

Bản không hề phản kháng Như vậy, lần đầu Hoa-kỳ giúp Nga bằng đường Thái-bình-dương đã được kết quả mỹ mãn.

Trong các giới ngoại-giao Hoa-kỳ rất hài lòng về sự kết qủa đầu tiên ấy của cuộc đàm-phán với Đông-kinh.

Mới đây hãng Thông-tấn-xã ở Thượng-hải thong tin cuộc đàm-phán giữa Hoa-thịnh-đốn và Đông-kinh đã kết liễu từ cuối tuần lễ vừa qua, nghĩa là vào khoảng 6 Septembre 1941

Hai bên đã giẹp được hết các sự khó khăn và đi đến một hiệp-ước về nguyên-tắc Hợp-ước này như một tờ cam đoan bất sâm phạm: hai cường quốc sẽ không cùng nhau gây cuộc chiến tranh, sẽ tìm cách giải quyết hòa bình các vấn đề chính-trị đã hiểu rõ Nhật và Hoa-kỳ, vì đó sẽ dần dần lập lại cuộc giao-thiệp về kinh-tế và tài-chính như thường.

Những phương pháp hạn chế kinh-tế đối với Nhật không thể vĩnh viễn được. Nhật-bản bị thiếu thốn mà Hoa-kỳ cũng mất khách hàng quan trọng như Nhật-bản, Mãn-châu, Trung-hoa thuộc chính phủ Nam-kinh, Cao-ly, Đài-loan vân vân... Nhật-bản cũng cần Mỹ mua sản-xuất-phẩm của kỹ-nghệ mình. Hai bên cần phải tương trợ về mặt kinh-tế.

Hợp-ước sẽ làm cho cuộc phong toả về kinh-tế và tài-chính của Anh-Mỹ đối với Nhật giảm dần đi

Về phương-diện chính trị, hiệp-ước Nhật Mỹ không ảnh hưởng mấy, vì vẫn nguyên tình-thế cũ.

Một mặt, Hoa-thịnh-đốn vẫn trực tiếp với Luân-đôn mà Chính-phủ Anh rất đồng ý với Hoa kỳ về mọi vấn đề

Một mặt, Nhật-bản vẫn công bố với Đại-sứ Đức rằng hợp-ước Nhật Mỹ sẽ không trái với hợp-ước Tam cường là một lợi khí để ngăn cuộc chiến tranh lan rộng tới Viễn-đông.

Đông-kinh cũng tỏ ý giữ nguyên giá trị hợp-ước trung-lập Nhật-Nga. Nhật sẽ bỏ hẳn cái thuyết nói Nhật sẽ tiến công vào Hãi-sâm-uy, vì vấn đề tải chiến cụ Mỹ sang giúp Nga.

Vấn đề Trung-hoa là trung tâm đề làm cuộc đàm phán Đông-kinh và Hoa-thịnh-đốn tìm cách làm cho cuộc điều đình giữa Chính-phủ Nam-kinh và Trùng-khanh được dễ dàng và có kết quả tốt đẹp. Biết bao lần, vấn đề Trung-hoa đã được các nhà cầm quyền Nhật bàn đến mà không sao giải quyết xong. Chẳng hay, lần này cuộc điều đình Nam-kinh, Trùng-khánh có kết quả không?

Nhưng dù sao, cũng mới là tin của một hãng thong tin ngoại quốc. Muốn rõ hiện trạng, ta hãy chờ tin đích xác của Chính-phủ....

Kiểm duyệt bỏ

NHẬT-NHAM

Cánh nhỏ, nước xanh, hương thơm hơn các thứ chè khác

CHÈ

TRUNG-LƯƠNG

Khắp hầu toàn thể quốc dân ta,
Yến tiệc nào ai chẳng dụng trà,
Kìa chè ướp sen nơi ướp cúc,
Muốn cho tiện việc đến ngay nhà
(Trung-Lương) hiệu đó từng danh tiếng.
Che thai ninh, nay nước đậm đà
Hoặc giả 5 3 ông ban quý
Vai phong mua sẵn để đưa quà

Chủ nhân:
PHẠM-VĂN-CƯỜNG
TRUNG-LƯƠNG
129, Rue Duvillier
HANOI

Tin vắn hằng tuần

Đông-dương

Tòa án Quân-sự họp tại Sài-gòn đã kết 12 án tử hình: Nguyễn-văn-Tao, Hà văn-Tước Nguyễn văn De, Nguyễn văn Thôn, Nguyễn văn-Bốn, Lê văn-Quan, Nguyễn văn Hộ, Lê-văn Ba, Huỳnh văn-Liêng, Trần văn-Ngan, Lê văn Cát, Mai văn-Xiêng trong 52 người bị cáo là dự vào các vụ rối-loạn hồi trước ở các làng Tân-lý-đông, Tân-lý-tây, Tân-hương (Mỹ-tho).

Quân-Pháp hội nghị họp tại Hà-nội hôm 16 9-41 đã tuyên án phạt 17 người nhập đảng phiến-loạn ở Lang-sơn: A – Hg v Bếc, Triệu v My (mỗi người 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ), tha bổng Dư v Bê; B. – Hg v Tâm (chánh tổng) 7 năm khổ sai, 7 năm biệt xứ, Hg sỹ Van (nguyên phó tổng): khổ sai chung thân; C — Vũ v Đac: khổ sai chung thân, Hg viết Ca: 12 năm khổ sai, 12 năm biệt xứ, Tô liên Sỹ: 10 năm khổ sai, 10 năm biệt xứ; Đinh hiên Loan, Hg viết Ma tức Ma Đông, Lê viết Tôn tức Lê văn Tôn (thư ký của đảng Trần trung Lập), Vũ canh Thông, Hà tư Đinh, từ Hà viết Đinh, Hoàng sỹ Tâm tức Luân, Đinh thế Tâm Hg đh Lê, Đinh bôi Thiêm (mỗi người 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ.

Phạm văn-Bao bị Quân Pháp hội-nghị kết án tử hình về tội phản bội đã bị bắn tại trường bắn Bạch-mai, hồi 5 giờ rưỡi sáng 13 Septembre 1941.

Số 7

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(*Dạng - bản văn - pháp*)

ĐÀO DUY-ANH

CHƯƠNG III

Phẩm loại của tiếng nói

MỘT câu gồm có nhiều tiếng mà thành. Mỗi tiếng ở trong câu đều có công dụng riêng. Nếu ta muốn thấu rõ cách cấu-tạo của câu nói thì trước hết phải nghiên-cứu công-dụng của tiếng. Muốn biết công - dụng của tiếng thì phải nghiên-cứu tính chất hay phẩm loại của nó.

Ta có thể chia các lời nói ra làm 11 phẩm loại :

1 Tiếng chỉ tên
2 Tiếng chỉ loài
3 Tiếng chỉ tính
4 Tiếng định nghĩa
5 Tiếng thay tên
6 Tiếng hành động
7 Tiếng bổ nghĩa
8 Tiếng đưa đẩy
9 Tiếng nối
10 Tiếng than
11 Tiếng đệm.

Tiếng chỉ tên

Tiếng chỉ tên là tiếng để gọi tên người, đất, sự vật Có hai thứ tiếng chỉ tên :

1 Tiếng chỉ tên riêng
2 Tiếng chỉ tên chung.

Tiếng chỉ tên riêng — Tiếng chỉ tên riêng là tiếng dùng để gọi riêng người ấy, vật ấy, đất ấy, sự ấy.

Tên người : Trần-Hưng-Đạo
Phạm-Ngũ-Lão.

Tên đất : Thừa-thiên, Hương-giang.

Tên vật : Nho-giáo (sách)
Tiếng-dân (báo
Liên - thành (hội buôn).

Tên sự : Văn - nghệ Phục-hưng, Âu-châu Đại-chiến.

Cách viết tiếng chỉ tên riêng.— Tiếng chỉ tên riêng là tiếng đơn thì phải viết hoa chữ đầu, ví dụ : anh Xuân, họ Lê, núi Ngự, lũy Thầy.

Nếu là tiếng kép thì phải để dấu nối (trait d'union) để nối liền những tiếng đơn lại.

Nếu là tên người hai tiếng, thì hai tiếng đều phải viết hoa, ví dụ : Huyền-Trân, Đinh-Chi, Công-Trứ, Mạnh-Trinh. Những tên tự, tên hiệu, tên tước, tên miếu thì viết nối, mà chỉ tiếng thứ nhất viết hoa mà thôi, ví dụ : Tố-như, Thanh-hiên, Văn-trinh, Thánh-tôn.

Nếu là tên họ hai tiếng thì chỉ chữ đầu tiếng trên viết hoa thôi, ví dụ : Tư-mã, Gia-cát.

Nếu là tiếng gồm cả họ và tên người thì tiếng họ và tiếng tên viết rời nhau ví dụ :

Mạc Đĩnh-Chi, Nguyễn Công-Trứ, Chu Mạnh-Trinh, Nguyễn Văn - Siêu, Tư-mã Tương-Như, Gia cát-Lượng. Nguyễn Huệ.

Nếu là tên đất gồm nhiều tiếng thì phải để dấu nối, mà chỉ chữ đầu tiếng thứ nhất là viết hoa thôi ví dụ :

Hương-giang, Bắc-kỳ, Hải-vân-quan.

Khi tên đất ấy gồm một tên chính với một tiếng chỉ tính thì tiếng chỉ tính viết riêng mà chữ đầu phải viết hoa, ví dụ :

Thủy Chân-lạp, Bắc Phi, Nam Tư - lạp - phu, Triều - sơn Tây, Thanh-thủy Thượng.

Nếu là tên sự vật thì nên phân-tích ra từng lời, những tiếng gồm một lời viết nối nhau, và chữ đầu tiếng thứ nhất phải viết hoa, ví dụ :

Văn-nghệ Phục-hưng, Hưng-quốc Khánh-niệm.

Nhưng nếu hai lời có hàm ý nghĩa liên lạc hay tương đối thì phải viết nối lại, ví dụ : Anh-Pháp Đồng - minh, Pháp - Đức Chiến-tranh.

Nếu là tiếng chỉ tên riêng do tiếng tây dịch âm thì những tiếng dùng để dịch một tiếng tây ấy phải viết nối nhau, mà chỉ viết hoa chữ thứ nhất thôi, ví dụ : Phi-líp Pê - tanh, Pi - e La-van, Các-mác, Rút-xô, Pa-ri.

Tiếng chỉ tên chung — Tiếng chỉ tên chung là tiếng dùng để gọi chung những người, đất, vật sự cùng loài.

Ta nên phân biệt ba thứ tiếng chỉ tên chung ;

a) Tiếng chỉ tên hữu hình là những tiếng để gọi những vật cụ thể, ví dụ : người, nhà, ruộng, đất

b) Tiếng chỉ tên vô hình là những tiếng để gọi những sự vật trừu tượng, ví dụ : Lòng, trí, phú quí, danh vọng, chức vụ, hạnh phúc, hi vọng.

c) Tiếng chỉ tên tập hợp, là những tiếng để gọi gồm cả những đoàn-thể do nhiều người hay nhiều vật hợp thành, ví dụ :

1· Chỉ về người : Bọn, toán, tụi, lũ, đoàn, phường, đội, quân v. v...

2· Chỉ về cầm thú : Đàn, bầy.

3· Chỉ về cây cối hoa quả

Cụm, chùm, buồng v.v...

4 Chỉ về đồ đạc: món, mớ, đống v. v...

Tiếng chỉ tên xưa : Trong ngôn ngữ của ta, ta thấy có nhiều tiếng chỉ tên vốn có từ xưa, ví dụ: chó, lợn, cơm, gạo, củi v. v... Nhiều tiếng xưa do tiếng tàu đời xưa mà thành, ví như: suối, chợ.

Tiếng mới.— Ngoài ra, có rất nhiều tiếng mới để chỉ những sự vật mới có hay mới nhân ra, ví như: *nhà chùa, bà vãi, hịch, khởi nghĩa,* hay để đặt tên mới cho sự vật xưa, ví như: cung, nỏ, dao, thuyền.

Tiếng mượn : Trong những tiếng mới ấy phần nhiều là tiếng mượn ở ngôn ngữ các dân tộc khác, có quan hệ với dân tộc ta, như người Tàu, người Pháp, người Lào, người Mên, người Xiêm v v... (Xem mục *Cỗi rễ tiếng việt*, chương I).

Tiếng chuyển dụng . — Nếu người ta không muốn mượn tiếng ngoài thì có thể dùng những tiếng về loại khác để làm tiếng chỉ tên, tức là cách chuyển lai.

1· Dùng tiếng hành động làm tiếng chỉ tên ví dụ *: Rửa ráy* nên dùng nước sạch.

2· Dùng tiếng chỉ tính làm tiếng chỉ tên, ví dụ: *Sạch sẽ* là đức tính rất tốt,

Tiếng hợp thành. — Tiếng hợp thành là những tiếng do một tiếng gốc mà thêm vào một vài tiếng khác để thành một tiếng mới. Tiếng chỉ tên hợp thành có nhiều cách như sau này :

1) Trước hết ta nên kể những tiếng tượng thanh, như *đùng, độp,* cốp, có thêm ở trước tiếng *cái,* ví dụ: Nổ *cái đùng,* nghe một *cái độp,* khỏ một *cai cốp*

2) Thêm vào tiếng chỉ tính một tiếng chỉ tên: tính, vẻ, lòng, mối, điều v. v .. ví dụ: *Tính nhu nhược, vẻ buồn rầu, lòng khảng khái, điều lành, điều dữ.*

3) Thêm vào tiếng hành động một tiếng chỉ tên: *sự, cách, người, nhà* v. v... ví dụ : *Sự cải lương, cách ăn mặc, người làm sách, nhà soạn kịch.*

4) Hợp hai tiếng chỉ tên đơn có quan hệ sở thuộc, ví dụ : *khí trời, ánh nắng, nước biển, lọ mực.*

5) Hợp một tiếng chỉ tên với một tiếng hành động, ví dụ : *Bàn chải, khăn lau, bánh cuốn.*

6) Hợp một tiếng chỉ tên với một tiếng chỉ tính, ví dụ : *rượu mạnh, dầu thơm, bánh ướt.*

7) Hợp một tiếng hành động với một tiếng chỉ tên, ví dụ *: học trò, tập sự, đốc binh, tri-huyện* (phần nhiều các tiếng này là tiếng hán-việt).

8) Ghép hai tiếng hành động với nhau, ví dụ : *đề đốc, huấn đạo giáo-thụ, thừa phái* (những tiếng này la t ếng hán việt)

9) Hợp hai tiếng chỉ tên đơn cân nhau, ví dụ : *áo quần, nhà cửa, cha mẹ, anh em, vợ chồng, nhà nước, tiếng tăm.*

10) Thêm vào tiếng gốc một tiếng ý nghĩa tương tự, ví dụ : *cơm nước, thuốc men.*

11) Thêm vào tiếng gốc một tiếng phụ, theo luật thuận thanh âm, ví dụ : *nợ nần, nước nôi, bầu bạn, đối đãi.*

12) Lắp láy một tiếng chỉ tên bằng một tiếng vần *iếc,* đồng âm phụ, ví dụ : *Sách siếc, tủ tiếc, đèn điệc.*

13) Lắp lại một tiếng chỉ tên, như *: người người, nơi nơi.*

Cách dùng tiếng chỉ tên hợp thành. — Những tiếng hợp thành về 8 hạng trên dùng như tiếng chỉ tên đơn.

Những tiếng về 5 hạng dưới thì dùng để thay đổi chút đỉnh ý nghĩa của tiếng gốc.

a) Các tiếng về ba hạng 9 ·10, và 11 dùng để làm nhẹ bớt nghĩa của tiếng gốc, và khiến cho nó thành ý nghĩa phổ thông, không hạn định (so sánh, *làm nhà* với *dọn dẹp nhà cửa, ăn cơm* với *lo cơm nước ; trả nợ* với *trang trải nợ nần*) Khi dùng các tiếng ấy với những tiếng hành động, tiếng bổ nghĩa, tiếng đưa đẩy, người ta có thể lặp lại những tiếng hành động, tiếng bổ nghĩa và tiếng đưa đẩy ấy. Ví dụ :

Trong nhà trong cửa.
Trả nợ trả nần.
Quá chừng quá đỗi.
Nhiều con nhiều cái.

b) Những tiếng thuộc về hạng thứ 12 cũng dùng để làm nhẹ bớt ý nghĩa của tiếng chính, nhưng thường dùng khi nói chứ ít dùng khi viết.

c) Những tiếng thuộc về hạng thứ 13 dùng để chỉ số nhiều, hay để thêm ý nghĩa toàn-thể. *Người người, nơi nơi,* là chỉ mọi người, mọi nơi ; *đêm đêm, ngày ngày* là đem nào cũng vậy, ngày nào cũng vậy.

Số của tiếng chỉ tên. — Muốn chỉ số ít nhiều của tiếng chỉ tên, người ta đặt ở trước những tiếng định nghĩa về số lượng, ví dụ :

Ai muốn biết rõ đời bậc anh-hùng đã chống giữ thành Verdun, hai lần cứu-vãn nước Pháp và Đế-quốc

« THÂN-THẾ VÀ SỰ-NGHIỆP THỐNG - CHẾ PÉTAIN »

của BÙI-ĐÌNH-SAN

Sắp xuất bản *GIÁ :* **0$14**

một năm, hai quả, ba chén, vài nhà, nhiều người.

Có khi một tiếng chỉ tôn đơn lặp lại thành ra số nhiều ví dụ: chiều chiều, ngày ngày.

Có khi theo nghĩa ở trong câu, người ta có thể biết một tiếng chỉ tên là về số ít hay số nhiều ví dụ: trong câu *«Người đâu gặp gỡ làm chi»* (Kiều), tiếng *người* là số ít, vì nó chỉ một người là Kim-Trọng; trong câu: *«Người nách thước kẻ tay đao»*, tiếng *người* là số nhiều, vì nó chỉ nhiều người trong bọn sai nha.

Tính của tiếng chỉ tên — Những tiếng chỉ tên về sự vật không có phân biệt tính chủng.

Những tiếng chỉ tên người và động vật thì thường phải chỉ rõ giống dương hay giống âm.

a) *Về loài người:* Thêm ở sau những tiếng chỉ tên những tiếng chỉ tính: *trai, gái, nam, nữ, con trai, con gái, đàn ông, đàn bà,* ví dụ: *em trai, em gái, học trò con trai, học trò con gái, thợ đàn ông, thợ đàn bà.*

Chú ý. — 1. Người ta lại thường tùy theo quan hệ của người ấy với mình mà thêm ở trước tiếng chỉ tên những tiếng: *ông bà, anh, chị, cô, cậu, chú, thím, bác .. trai, bác.... gái.*

2. Cũng có những tiếng tự nó đã hàm tính dương hay âm rồi, ví dụ: *cha, mẹ, anh, chị,* v. v...

b) *Về loài động vật, trừ loài chim.* — Thêm ở sau tiếng chỉ tên những tiếng chỉ tính *đực* hay *cái,* ví dụ: *chó đực, chó cái, cá đực, cá cái, bướm đực, bướm cái*

Chú ý: Về loài lợn, người ta thường dùng tiếng *nái* thay cho *cái.*

c) *Về loài chim.* — Thêm vào sau tiếng chỉ tên những tính chỉ tính *trống* hay *mái,* ví dụ: *Gà trống, gà mái; chim trống, chim mái*

Chú ý: Về loài chim, người ta cũng có thể dùng những tiếng chỉ tính *đực* và *cái,* ví dụ: *Ngỗng đực, vịt đực.*

Công dụng của tiếng chỉ tên. — Tiếng chỉ tên có ba công dụng:

1) Chủ ngữ: Khi nào tiếng chỉ tên làm phần chủ não trong câu, ví dụ: *Mặt trời* đã mọc.

2) Tân ngữ: Khi nào tiếng chỉ tên đứng địa vị khách để chịu kết quả của sự hành động, ví dụ: Tôi viết *thơ*

3) Bổ ngữ: Khi nào tiếng chỉ tên dùng để bù cho đủ nghĩa một tiếng chỉ tên khác, ví dụ: nhân dân *nước Việt-nam* hay nhân dân của *nước Việt-nam*; hoặc dùng để bù cho đủ nghĩa của thuật-ngữ ví dụ: Thằng bé cắp sách đến *nhà trường*

Những vấn đề muốn chất chính

1 Tiếng chỉ tên chuyển lai

2. Tiếng chỉ tên hợp thành

3 Cách dùng tiếng chỉ tên hợp thành. *HẾT*

ĐÀO DUY-ANH

MỚI CÓ BÁN Sách của QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

NGƯỜI LỊCH-THIỆP

Một cuốn sách mà ai cũng phải có trên đầu giường, trên bàn giấy, trong tủ sách trong va-ly lữ-hành.

Bìa hai màu, trình bày mỹ-thuật Giá 0p.65

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Một bộ từ-điển chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, đọc ham, vui, thú vị khác hẳn các bộ từ-điển khác, phàm văn-nhân học-giả ai cũng phải đọc để hiểu rõ quốc-văn và văn-chương Việt-Hán.

Dày ngót 400 trang có chua chữ Hán Giá 2p 80

Giấy bouffant hảo hạng 3p 80

Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p 00 một bộ. Bạn nào muốn có loại sách quí giá này xin cho biết và trả tiền trước.

Thư mua sách gửi cho M. Lê-Văn-HÒE
Giám đốc Quốc-học Thư-Xã
16 bis, rue Tien Tsin—Hanoi

Các bạn nhớ đón xem

Tuần báo

Ngòi bút

Phê bình văn-chương, phê bình nhân-vật, phê bình ý kiến phê bình thời-sự, phê bình cảnh sống

TÒA SOẠN:

PHẠM-NHƯ-KHUÊ — TRƯƠNG-TỬU — NG ĐÌNH-LẠP — ĐỒ-PHỒN — NGUYỄN-ĐỨC QUỲNH — VI HUYỀN-ĐẮC — CHU-THIÊN

HÀN-THUYÊN XUẤT-BẢN-CUC

in và phát hành

Số đầu sẽ ra vào thượng tuần tháng Octobre 1941

Ai muốn làm đại-lý xin gửi thư về:

ÔNG NGUYỄN-XUÂN-TÁI

3—71—Phố Tiên Tsin Hanoi

Đền Hiển-Trung ở Sài-gòn

MỚI đây các báo ra hằng ngày tại Sài-thành có đăng tin :

« *Saigon — Tại đồn lính Ô-ma vẫn có một ngôi miếu thờ các vị khai quốc công-thần của triều Nguyễn gọi là miếu Hiển-Trung, nơi thường năm đều có cử hành lễ kỷ niệm rất trọng-thể, và Nam-triều có phái quan đại-biểu vào hành lễ.*

« *Vừa rồi, nhân dịp từ-giã đồn lính này nhà cầm quyền quân-sự Pháp đã lo đến miếu ấy trước nhất vì họ coi sự trông nom gìn-giữ miếu Hiển-Trung như là một phận sự đối với Nam-triều*

« *Vì thế, hôm sắp-sửa dọn đi khỏi đồn, nhà cầm quyền quân sự Pháp đã cho ban trị-sự của hội Samipic hay tin và mời đến trao phận-sự kia lại cho hội ấy. Hội đã ủy mấy ông đến đồn lính Ô ma được nhà chức-trách quân-sự Pháp đón-tiếp ân-cần và cắt nghĩa về việc này một cách rất cảm động...*

« *Thế là từ nay miếu Hiển-Trung ở đồn Ô-ma đã thuộc về hội Samipic trông coi ..* »

Đền Hiển-Trung hay *Pagode des Mares* trong trại lính Ô-ma đường Frères Louis Saigon vẫn đã được viện Bác-Cổ gìn-giữ (1) mà nay lại được hội Samipic trông-coi đèn hương, thì hơn một nghìn linh-hồn được vua Gia-Long cho thờ trong miếu này chắc cũng được mát-mẻ ngậm cười...

Thật thế, sau khi đức Cao-Hoàng nhất-thống Nam Bắc, năm Giáp tý (1804) tháng sáu năm Gia-long thứ 3, ngài xuống chiếu cho quan Tổng-trấn thành Gia-định dựng đền này tại làng Tân Triêm, tức là « đồn Ô ma » bây giờ, để thờ những công-thần, liệt-sĩ đã bỏ mình mà đem giang-sơn lại cho nhà Nguyễn.

Những bài-vị từ đời Gia-long còn lại mục nát và không được rõ-ràng, nên đến đời vua Thiệu-trị thứ 6 hoàng-đế bắt làm lại hơn nghìn bài-vị trong miếu Hiển-Trung ở Gia định bằng gỗ hay đá và cứ theo tên cùng chức tước như trước mà khắc vào song than ôi ! tới nay không còn lại một cái nào cả, mà đền Hiển-Trung chỉ là một cái xác nhà đổ xộ, trong chỉ có mấy cái bệ và mấy bát hương bụi bám !

Đền Hiển-Trung này vốn dựng để thờ 1.015 bài-vị công-thần, song trong số đó, 361 vị đã có thờ ở Trung-Hưng hay Trung-Tiết ở Huế, Bảo-Trung ở Bình-định, Biểu-Trung ở Phú-yên và Tinh-Trung ở Khánh-hòa rồi, thế thì trong đền Hiển-Trung ở Gia-định chỉ còn thờ thêm có 653 vị mới mà thôi.

Tôi tưởng giới-thiệu với các độc-giả việc thờ tự ở Hiển-trung này cũng chẳng phải là vô ích vậy :

Gian giữa : Chính Điện

Võ tôn-Tánh
Hậu-quân quốc-công
Ngô tùng-Chu (2)
Thái-sư quận-công
Nguyễn tiến-Huyên,
Chưởng-cơ Ứng-nghĩa đạo

Tả nhất :

Chu văn-Tiếp, *Chưởng-dinh quận công* ; Tôn-thất Hội, *Tiền-dinh quân-công ;* Tống viết-Phúc, *Thiếu-bảo quận-công* ; Mai đức-Nghị ; Võ d-Nguy ; Nguyễn cửu-Dật, *Chưởng-dinh quận-công ;* Nguyễn cửu-Toán; Nguyễn Thành; Tôn-thất Dũ, *Hữu-quân quận-công ;* Nguyễn văn-Chánh, *Tả-quân quận-công.*

Hữu nhất :

Nguyễn hữu Thụy, *Chưởng-dinh quận-cong ;* Nguyễn đình Thuyên ; Nguyễn kim-Phẩm ; Trần xuân-Trạch ; Tôn-thất Cốc ; Tống phúc-Hòa ; Nguyễn thái Nguyên, *Thiếu-phó ;* Bùi Kế, *Chưởng-dinh* ; Đoàn văn Các, *Chưởng cơ ;* Hoàng công-Thành.

Còn hai bên thì có ban « Tả nhị » và ban « Hữu nhị ».

Ban « Tả nhị » gồm 221 bài vị, tựu trung có Chưởng-vệ Mạn-Hòe (Manuel), người pháp (3), đã từng tử trận năm Nhâm-dần (1782).

Ban « Hữu nhị » gồm 221 bài vị, thờ các ông Nguyễn văn-Đắc, Nguyễn đức-Khoan, v. v.

Ngoài đó ra, còn có 275 bài vị thờ ở « Chái bên tả » và 275 bài vị thờ ở «Chái bên hữu» nữa (4).

NGUYỄN TRIỆU

1) Từ ngày 29 Avril 1930.
2) Xem Tri-Tân số 10, trang 17.
3) Xem Tr-Tân số 9 trang 17.
4) Đại-Nam chính-biên thực-lục đệ nhất kỷ, quyển 24, trang 17 đến 24. và Bulletin de la Sté des Amis du Vieux Hué N° 3-4 1927 p. 211-222.

Một tiểu-thuyết dài

nhuộm màu sắc một triều-đại, sẽ nối « Bà Quận Mỹ », ra mắt các bạn, do một cây bút mà các bạn đã quen biết, viết rất công phu, rất ly kỳ.

Truyện đó ? Tên tác giả ?

Xin các bạn để ý trong một số sau...

Được vượt khỏi những nơi khó khăn hiện-tại, Đông-pháp phải có

một nền kinh-tế chỉ-huy

Những nền-móng cho nền kinh-tế mới đó

CÁI tin chánh-phủ nghiêm cấm xuất-cảng hết thảy sản-vật Đông-pháp không khỏi làm cho dư-luận công-chúng — thứ nhất dư-luận nông và thương-giới — đã phải xao-xuyến, chấn động.

Hiểu biết những sự lo ngại viển-vông của dân-chúng, Chánh-phủ đã cho ấn-hành một bản thông-cáo được cớ phá tan cái bầu không-khí hoài-nghi, sợ sệt nó sắp muốn tụ lại.

Chánh-phủ không quên chỉ rõ rằng : cấm sự xuất-cảng không có ý-nghĩa là đoạn tuyệt, là ngừng hẳn sự xuất-cảng ấy.

Trái lại là khác.

Hơn lúc nào hết, hiện thời nhà cầm-quyền trong xứ rán kiếm thị-trường tiêu thụ cho hết số sản-xuất thặng-dư của nông, công-nghệ bản-xứ.

Song nhà cầm quyền quyết định tổ-chức cuộc xuất-cảng ấy cho có phương-pháp, trật-tự, được tránh những sự cạnh-tranh vô-ý-thức, được giữ vững giá cả của sản-vật bản-xứ bán ra ngoài.

Ắt hẳn ai nấy cũng đều nhìn nhận rằng Chánh-phủ có đủ tài liệu, có đủ tin tức hơn hết thảy mọi người, nên thấu đáo mọi sự nhu-cầu của các thị-trường ngoại-quốc, phân biệt kẻ tốt người xấu trong đám bạn hàng và hiểu biết mỗi thị-trường cần dùng món hàng nào hơn — tất nhiên sẽ trả được giá hơn.

Nhờ đó, Chánh-phủ sẽ tùy theo trường-hợp, tình thế mà lo đối hướng, xoay chiều cuộc xuất-cảng bản-xứ, sẽ vạch đường đi cho xuất-cảng-gia kiếm được thị-trường thích hợp bán các hàng hóa, sản-vật của họ với giá rất cao, thu được số lời lớn lao, tức là giúp nền kinh-tế, lý-tài trong xứ trở nên phong-phú, dồi dào.

Đó là nền móng cần thiết cho nền kinh-tế chỉ huy mà nhà cầm-quyền bản-xứ rán sức thật hiên, được có đối-phó với thời-cục nghiêm-trọng tình-thế khó khăn.

Sự cấm xuất-cảng rốt cuộc vẫn không cấm cản gì ráo. Là vì Chánh-phủ sẽ ban giấy phép xuất-cảng (licences d'exportation) cho những hàng-hóa, sản-vật bán nhằm thị-trường thích-hợp, theo giá khả quan.

Sự cấm xuất-cảng ắt hẳn sẽ có ảnh-hưởng tốt đẹp cho nông, công, thương nghệ, cho nền kinh-tế bản-xứ.

Chúng ta cứ việc vững bụng, an tâm chờ đợi cái kết quả đó !

●

Nói về công-cuộc tổ-chức một nền kinh-tế chỉ huy, luôn dịp chúng tôi xin phép nhắc nhở tới vụ Chánh-phủ lập ra Hội-nghị Công-nghệ sản-xuất và Hội-nghị các Tiểu-công-nghệ bản xứ.

Vì nạn chiến-tranh, vì sự phong-tỏa, Đông-Pháp hiện-thời thiếu hụt thứ sản-phẩm, hàng-hóa do công-nghệ ngoại-quốc cung cấp cho hồi giờ.

Một phần trong số hàng-hóa đó, chúng ta có thể sản-xuất ở ngay trong xứ, tự mình cung cấp cho sự nhu-cầu của mình.

Tuy vậy, nếu không có sự sắp đặt chỉ huy gì ráo, ai muốn sản-xuất, chế-tạo món gì tự ý thì chắc chắn nội trong thời-gian rất vắn, sẽ có những sự cạnh-tranh khốc hại xảy ra, những số hàng-hóa thặng dư khá lớn, gây ra những sự phá giá, thất bại nặng nề.

Một tỷ-dụ : Mấy lúc gần đây, vì sự thiếu hụt dầu xăng nhiều người bó buộc kiếm mua xe máy làm chân. Đồng thời, chúng ta không thể gửi mua xe máy của ngoại-quốc như trước kia.

Lẽ tự nhiên là xe máy với đồ phụ tùng bán rất chạy. Ít nhiều xưởng công-nghệ bản-xứ đang lo chế tạo thứ xe ấy được cung cấp cho bạn hàng bản-xứ.

Song nếu thấy sự sản-xuất ấy bán chạy, có lời khả quan, hết thảy các hãng các xưởng công-nghệ đồng-hè bỏ phế mọi việc khác, dạy qua chế tạo món hàng hóa đó thì ắt hẳn trong một thời gian rất vắn, số xe máy dư dả, ối đọng lại rất nhiều. Các hãng phải cạnh tranh với nhau, bán phá giá cho món hàng của mình tiêu thụ được nhiều. Mấy hãng nhỏ, số vốn ít, sẽ làm sao chịu nổi sự cạnh tranh ấy ? sẽ tránh sao đặng thảm cảnh khánh tận ?

Nếu số vốn đó, nếu khí cụ trong hãng họ dùng chế tạo món hàng khác mà trong xứ đang thiếu-hụt kiếm mua không có — tỷ dụ như đóng xe xích lô, xe kéo v.v — thì không những họ sẽ kiếm lời đủ sống mà ngoài ra, họ còn giúp ích cho công-chúng rất nhiều.

Phận sự của Hội-nghị Công-nghệ sản xuất là điều tra coi thử các hãng, các xưởng công-nghệ trong nước có thể sản xuất những gì ? dân chúng cần dùng món chi ? rồi sẽ sắp đặt khuyên lơn các hãng đó phân chia ra, mỗi hãng chế tạo, sản xuất một món — hoặc năm bảy hãng, vài ba hãng một món đồ cần thiết cho đa số dân chúng được cung cấp đủ sẵn phẩm công-nghệ mà Đông-pháp cần dùng song không thể hỏi mua ở ngoại-quốc như trước kia.

Hoặc giả có người sẽ nói « Nếu không có sự cạnh tranh thì sợ có họa độc-quyền gián tiếp hàng hóa bán giá quá đắt chăng ? »

Chúng tôi xin trả lời vắn tắt. « Còn ban kiểm-sát giá cả hàng hóa đó chi ? »

●

Xem tiếp trang 23

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 14

BẠCH-y-Nương rưng rưng nước mắt, nói:

— Các tướng ạ, tôi ngờ rằng quân ta đã giao chiến với quân Phan-Ngạn, Phan Ngạn lừa dối ta ra đến ngã ba sông rồi mới để dồn lại đánh Hán cho giả làm quân Trịnh, rồi lại sai quân hắn vào, để cho ta đánh rồn lại không đánh. cho tiền hậu bất nhất. tâm thần bất định, lòng quân rối loạn rồi mới đổ vào đánh.. Vậy chúng ta cần phải báo thù...

Các tướng đều ngồi im lặng nghĩ ngợi.

Chợt ở ngoài linh gác đưa vào hai phái giả của Kế-quận-Công Phan Ngạn. Hai người mang lễ-vật đến viếng « *ba ngày* » và đệ một phong thư của Kế quận. Bạch-y-nương bảo các tướng ngồi đợi rồi nàng ra tiếp hai phái giả ở trại ngoài. Nàng mời hai người ngồi Và tiếp lấy phong thư mở ra đọc Thư vắn tắt có mấy giòng sau này.

« *Kính trình Mỹ quận-Công Phu nhân,*

« *Từ lúc được tin Mỹ-Quận lâm nạn, lòng tôi vô cùng buồn rầu căm tức! những mong mỏi bao thù cho bạn. Vậy có thư này đến mong Phu-nhân xét rõ. Bây giờ Mỹ-quận không còn nữa. Phu-nhân đem quân họp với quân bản bộ của tôi, để tôi được luôn luôn gần gũi Phu nhân và cùng bàn cách tiến quân đánh Trịnh, báo thù cho Mỹ quận. Vả lúc này là lúc chúng ta nên giở lại Thăng-long mà đình liệu công việc Mong phu-nhân chiếu cố.*

« *Kế quận công Phan-Ngạn thủ bút* tâm thư ».

Nàng đỏ bừng mặt, cau mày, đọc lại, rồi lầm bầm một mình:

« *Gần gũi, chúng ta, tâm thư* » rặt những chữ thân mật mà *vô nghĩa* ở hiện tình này! Rõ ra vẻ một anh gian! Ta phải quả quyết thẳng tay mới được!

Rồi nàng đứng giậy, lấy giấy bút thảo bức thư này:

« *Phan-Ngạn!*

« *Ta không mắc lừa mi đâu, tên gian hủng Phan-Ngạn kia! Những việc làm của mi, mi tưởng không ai biết phỏng? Nhưng một người ngu dại như mi mới tưởng thế. Nay mưu gian mi đã bại lộ, ta quyết không dung mi. Ta phải lấy đầu mi để báo thù chồng ta! Vậy ngày mai mi có tài giỏi thì đem quân lên đây, bằng không tôi sẽ cho võ sĩ lại tận nơi bắt trói mi đem về, cho coi!*

« *Lệnh bà Mỹ-quận-công truyền cho Phan-Ngạn* »

Thảo xong, nàng niêm phong cẩn thận. giao cho hai phái giả và dặn cặn kẽ phải đưa tận tay Phan-Ngạn Nàng lại ân cần tiếp đãi hai người một cách rất tử tế trọng hậu, hai người hớn hở vui mừng, không nghi ngờ chi cả, cáo từ lui ra.

Khi họ đi khỏi rồi, nàng lại vào trại trong bàn với các tướng:

— Ta không còn ngờ nữa. Chính quân Phan-Ngạn đã đánh quân ta. Chính Phan-Ngạn đã ra lệnh bắn, và chính hắn đã bắn Mỹ-quận-Công. Bằng cớ là hắn vừa có thư trần tình xin lỗi. Hắn viện cớ là hắn nhầm tướng quân Trịnh tiến ở sông Thanh quyết ra, nên ra lệnh đánh. Sau một hồi kịch chiến đến khi nhận rõ thì việc đã xong rồi. Thật là nói dối và nói láo. Ta không cần biện bác với kẻ nói dối và nói láo! Bây giờ cần gì hở các anh em?

Các tướng đồng thanh giả nhời:

— Thưa lệnh-bà, ta cần phải báo thù cho chủ tướng!

Nàng hăng hái nói:

— Phải, ta cần báo thù, tôi báo thù cho chồng, anh em báo thù cho chủ tướng! Chúng ta phải báo thù Chúng ta cùng một ý nghĩ, cùng một mong mỏi. Chúng ta phải thành công, chúng ta phải lấy được đầu Phan-Ngạn!..

Ngừng một lát ngẫm nghĩ, nàng lại tiếp:

— Ngay bây giờ, từ giờ đến trưa các tướng phải cho người đi loan báo khắp dân gian và cho yết thị khắp nơi: hễ ai đem được đầu Phan-Ngạn đến đây, ta thưởng một trăm lạng bạc và năm lạng vàng!

Các tướng hỏi:

— Một trăm lạng bạc và năm lạng vàng đổi lấy đầu Phan-Ngạn!..

Nàng ung-dung quả quyết đáp:

— Phải, một trăm lạng bạc và năm lạng vàng cho bất cứ ai lấy được đầu Phan-Ngạn đem đến đây. Người trong quân hay người ngoài cũng vậy, không hơn không kém!

Nàng đứng dạy, đi đi lại lại trong phòng, con mắt đăm đăm ra chiều nghĩ-ngợi, hồi lâu mới dừng lại bảo mọi người;

— Bây giờ các tướng tạm hãy về trại ngũ, các tướng suy nghĩ đi sửa soạn đi, cho người loan báo và niêm yết cái việc ấy đi! Rồi đến chiều nay, ta lại có cuộc họp bàn, lúc ấy các tướng cứ thẳng mà tỏ bầy ý-kiến. Ai nghĩ thế nào sẽ cứ nói vậy. « Hợp chúng trí mới thành đại-sự »

Các tướng đồng thanh « dạ » một tiếng, rồi đều đứng giậy, lần lượt giải tán về các trại.

IV

Buổi chiều hôm ấy, mặt giời vừa gác non tây, còn rớt lại ít ánh vàng như phấn hoa bay trước gió. Những tiếng tù-và của trẻ chăn trâu, trong rừng núi, rúc liên hồi, đã gọi trâu bò, văng-vẳng trong cõi xa-xăm huyền-bí. Trong dinh trại đã nhóm lửa, lập lòe rải rác như ma chơi. Tiếng chiêng thu-không

vừa rứt, tiếng mõ cầm canh nổi hồi.

Theo lệnh của Bạch-y nương ban sáng, các tướng đã đến đông-đủ ở trại Mạc-phủ. Ai nấy đã ngồi yên đâu vào đấy, Bạch-y nương nhìn qua một lượt tất cả mọi người, rồi thong-thả rõ-ràng nói một vẻ rất thân-mật :

— Các ông đã suy-nghĩ cả rồi chứ ? Vậy tôi xin hỏi các ông mấy điều đây... Các ông cứ thành thực mà giả nhời, đừng e-ngại gì cả. Hơn mười năm nay, và có người đến hai mươi năm nay, các ông theo giúp phu-quân tôi, nếm-trải nhiều nỗi nguy-nan, rất vất vả, đã đem lại biết bao công trạng lẫy-lừng. Sự tận tâm quý-hóa ấy, tôi xin mãi mãi ghi nhớ và thành-thực cảm tạ Nhưng làm tướng lâu năm, chắc cũng có nhiều điều nhầm-lẫn. Vậy tôi hỏi thực các ông : Trong bấy nhiêu năm, Mỹ-quận-công đã làm những gì trái ý các ông, không được vừa lòng các ông ?

Nàng hỏi xong, trông thẳng vào các tướng, đợi câu giả nhời. Một phút im-lặng, như ai cũng cảm-động nhớ đến Mỹ quận-công. Bỗng một vị tướng già thay cử tọa giả nhời :

— Bẩm lệnh-bà, chủ-tướng không làm gì trái ý chúng con cả. Ngài thương-yêu chúng con lắm ! Làm điều gì trái, ngài khuyên răn ; làm được việc hay, ngài khen thưởng. Ít khi ngài quở phạt, ai nấy đều nức lòng.

— Trong các ông đây có ai giận trách Mỹ-quận-công về lỗi gì không ?

— Bẩm lệnh bà, không !

— Mỹ-quận có ức-hiếp các ông điều gì không ?

— Bẩm lệnh-bà, không ạ !

— Trong cái hành-vi cử-động của Mỹ-quận-công, có điều gì đáng chê, đáng trách không ?

— Bẩm lệnh-bà, không ạ !

— Bây giờ Mỹ-quận đã ngộ nạn, không còn ở đây nữa. Vậy, trong các ông, người nào cũng có thân-thích quê-hương, ai muốn trở về hay muốn đi đâu, tôi xin để cho tùy ý lựa-chọn. Các ông đã không chê trách gì Mỹ-quận, như thế là quý lắm rồi.

— Bẩm lệnh bà, chúng con ở dưới bóng cờ chủ tướng và lệnh bà đã ngoại mười năm, chia buồn, xẻ ngọt, được coi như con cái. Ngày nay, nhất đán chủ-tướng bị lừa mà thất lộc, lệnh bà định báo thù, chúng tôi cũng xin ở lại để cùng với lệnh bà báo thù cho chủ-tướng, gọi là đền ơn trong muôn một.

Bạch-y nương trang-nghiêm nói :

— Các ông nghĩ kỹ lại xem nào ! Ai có ý thích gì thì cứ tự nhiên mà lui. Đừng nên cố chấp !

— Bẩm lệnh bà, lệnh bà đã dốc một lòng báo thù cho chủ tướng, chúng con khi nào lại từ nan. Giá lệnh bà không chủ tâm làm việc nghĩa cử ấy, chúng con cũng phải liều sống chết một phen để tỏ lòng trung-thành của chúng con và để từ nay về sau treo gương sáng cho những kẻ tà tâm chỉ chực lường thày phản bạn !

Các ông quả quyết như vậy thật hay lắm. Phu-quân tôi cũng được ngậm cười nơi chín suối. Tâm-địa của các ông thật động đến cả Thiên, Địa, Quỷ, Thần. Nay chí-hướng của các ông đã rõ rệt. Tôi rất vững lòng. Vậy bây giờ ta phải nghĩ đến cách hành-binh. Ngày mai hay ngày kia là cùng, thế nào Phan-Ngạn cũng dẫn quân lại đây. Ta phải kếm cách vừa thủ, vừa công. Các ông có cao-kiến gì nên đem ra bàn định. *Còn nữa*

Một nền kinh-tế chỉ huy

(Tiếp theo trang 21)

Tóm tắt lại, trong tình thế hiện tại, muốn vượt qua mọi sự khó khăn, Đông-Pháp không còn cách gì khác hơn là thiết hiện nền kinh tế chỉ huy

Quan Toàn Quyền Decoux đã mạnh dạn sải bước trên con đường đó ban hành nhiều sự cải cách lớn lao, trong hệ dùng làm nền móng cho nền kinh tế mới mẻ

Chúng ta hãy vững lòng chờ đợi kết quả của sự cải cách đó, những kết quả chắc sẽ khả quan, bởi xét theo lương tri chúng ta thấy rằng ngoài phương pháp đã thi hành nền kinh tế bổn xứ không hy vọng nhờ cách nào khác nữa mà đối phó tránh khỏi những nỗi khó khăn rất lớn nó đang bủa vây bốn phía.

(Điện tín)

TỔNG PHÁT HÀNH
RƯỢU CHỒI BẮC-KỲ
Các bà sinh nở dùng rượu chồi Bắc-kỳ, trừ được các chứng sản hậu, tê thấp v. v.
Tốt và rẻ tiền.
ĐÔNG-DƯƠNG THƯƠNG-CỤC
Tổng đại biểu
Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa
155, Rue du Coton — Hanoi
KHẮP CÕI ĐÔNG-PHÁP
Chỉ máy Sư tử
Đủ các mui, Bền, rẻ
và các hàng tơ lụa, vải vóc, các thứ đồ sừng, mây, cói v. v.

Ta thường nói « phú quí » thì ra giầu vẫn hơn sang!
Mà thực!
Có tiền mua tiên cũng được mà!

Ai muốn bỗng chốc có bạc vạn như ông Quang (Huế) đã trúng số độc đắc vào kỳ mở số vừa rồi thì

thử bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

Ai không tin thử mua xem

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p 00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hut một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt noc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt noc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp [illegible] du Tr [illegible] Administrateur gérant: Dương-Tụ-Quán